

CÁI ÁO CHOÀNG

(Truyện Ngắn Nga)

Tác giả: **Nikolai GOGOL**

TTBG chuyển ngữ theo bản Pháp văn của
HENRI TROYAT

[]

(TTBG giới thiệu)

Nikolai Vasilievich Gogol (1809-1852) là con trưởng của hai ông bà Vasili and Maria (tục danh Kosiarovski) Gogol. Ông chào đời trong lãnh địa của cha mẹ ở vùng Sorochintsi, Ukraine, ngày 31/3/1809. Dù rằng gia đình mang cái họ Ianovskii, nhưng ông ngoại ông cho rằng tổ tiên gốc quý tộc Cosaque của họ đã mang tên Gogol.

Người em trai kế chết khi Nikolai được 10 tuổi. Điều ấy làm ảnh hưởng mạnh lên cá chất nhà văn để rồi suốt đời ông vẫn có khuynh hướng tìm kiếm một người bạn thân.

Gogol được gửi vào nội trú trong trường Poltava, rồi theo bậc trung học ở Nehzin từ 1821 đến 1828. Nơi đây, ông khởi sự viết bích báo và tham gia vào ban kịch của Trường.

Tháng 12/1828, 19 tuổi, Gogol đi đến St. Péters- bourg để tìm vận may. Tại đây, ông cố gắng bắt tay vào cuộc sống mới bằng nhiều phương cách, từ đi dạy cho đến làm thư ký văn phòng, ngay cả xin vào làm kịch sĩ tại một rạp hát (nhưng chính ngay buổi thử giọng đầu tiên, đã bị loại). Ông cũng sớm nhận ra rằng nếu không có tiền và không quen biết ai, thật khó có thể sinh sống trong cái “thành phố lạnh lùng và không hiếu khách” ấy.

Trong tình trạng khó khăn như vậy, Gogol tự nghĩ, văn nghiệp mới là sự đánh cuộc tốt nhất cho ông. Vì vậy, vào năm 1829, ông cho xuất bản bằng tiền túi riêng dưới bút hiệu V. Alov một tập thơ viết ra hai năm trước, khi còn đi học, tựa đề “Hans Kuechelgarten”, kết quả của những tác phẩm Lãng Mạn Đức ông từng say mê đọc. Bản văn thất bại, không được sự chào đón của độc giả.

Thất bại về thi ca, Gogol chuyển sang viết văn xuôi. Với chủ yếu muốn thoát khỏi thực tế đáng sợ đang rình rập chung quanh, ông phơi trải trên mặt giấy những mẫu chuyện từng được nghe ông ngoại người Cosaque kể khi còn bé. Cuộc sống nhiều màu sắc trong vùng trời Ukraine đầy nắng ấm, nơi có các người nông dân và các chú nhỏ chăn ngựa giỡn đùa âm ỉ; nền văn học dân gian phong phú; phong cảnh êm đềm nơi ven bờ dòng sông Dniepr; những vùng thảo nguyên cò bay thẳng cánh... tất cả những điều này trở về trong ký ức nhà văn với một vầng hào quang

quyến rũ và tạo hình thành những câu chuyện được ghi lại rất nhanh trong tập I của bộ tuyển tập “*Những Buổi Tối Trong Một Trang Trại Gần Dikanka*”, xuất hiện tháng 9/1831 và được hâm mộ nồng nhiệt.

Tiếng tăm Gogol bắt đầu lan rộng trong văn giới. Giữa những người thứ nhất hâm mộ Gogol có Púshkin và Vassily Joukovski, hai người dẫn đầu “giới văn chương quý tộc”. Nhà văn trẻ được đón tiếp nồng nhiệt trong các đám văn chương được tuyển chọn trên hết ấy. Với tính tự cao tự đại bẩm sinh, Gogol trở nên kiêu hãnh và rất tự tin về sự thành công của mình.

Sau khi thất bại trong chức vụ giáo sư dạy Sử Thế Giới tại trường Đại học St. Pétersbourg (1834-1835), Gogol dành trọn thời gian cho cây viết. Các tác phẩm lần lượt được xuất bản:

- Tuyển tập “*Migorod*” (1835).
- Tuyển tập “*Arabesque*” (1835).
- “*Cái Mũi*” (1836).
- “*Viên Tổng Thanh Tra*” (1836), kịch bản thành công nhất trong ngôn ngữ kịch trường Nga từ trước đến bây giờ, được cấu tạo với một nghệ thuật chính xác trên âm điệu, không một chữ sai từ đầu đến cuối.
- “*Hôn Nhân*”, được viết ra từ 1833 nhưng xuất bản 1836.
- “*Cái Áo Choàng*” (1842), **câu chuyện cuối cùng** trong loạt truyện Pétersbourg, đưa Gogol lên hàng một trong những nhà văn viết truyện ngắn vĩ đại nhất trên thế giới.
- 1842: “*Những Linh Hồn Chết*”, khởi sự từ 1835, tác phẩm chứa đựng nhiều hoài bão nhất của Gogol.

Tiếng tăm nổi như cồn, sau cái chết bi thảm của Púshkin, Gogol càng được xem như người dẫn đạo của văn chương Nga. Nhưng, mười năm cuối cùng của cuộc đời Gogol lại rơi vào thất bại một cách cay đắng.

Sau khi cho xuất bản xong Phần I “*Những Linh Hồn Chết*”, nhà văn lập tức viết tiếp Phần II với dự trù rằng đó sẽ là “một loại *Divine Comédie* bằng văn xuôi”, Phần II sẽ là *Lò Luyện Ngục* và phần III sẽ là *Thiên Đàng*.

Sau 10 năm tiến hành rất chậm, cuối cùng “*Những Linh Hồn Chết phần II*” phải bị đặt sang một bên.

[TTBG chú thích:

La Divine Comédie (La Divina Commedia) một “bản thánh thi” của thi sĩ người Ý, Dante Alighieri (1265-1321), được in khắc vào năm 1472, gồm ba phần: *Địa Ngục*, *Luyện Ngục*, và *Thiên Đàng*.]

Mang tâm trạng của một kẻ lúc nào cũng bôn chôn hiếu động trong những cuộc du hành không nghỉ từ vùng trời này sang vùng trời khác, nhà văn cảm thấy mình chỉ là **một kẻ xa lạ và là nạn nhân của chính nỗi buồn chán trong tâm hồn mình**. Trước thất bại của “*Những Linh Hồn Chết tập II*”, Gogol biện giải, đó chính là dấu hiệu cho thấy

Thượng Đế không còn muốn giao vào tay ông vai trò một phát ngôn viên trên con đường cải sửa đạo đức cho dân chúng Nga.

-Ngày 31/12/1846, Gogol cho chào đời “*Những Đoạn Chọn Lọc Từ Các Lá Thư Gửi Bạn*”, một bộ sưu tập gồm 32 bài tiểu luận khác nhau, được viết theo thể thức những lá thư, dựa trên các chủ đề về văn chương, tôn giáo, đạo đức và xã hội, dưới bút pháp của một người bắt đầu xây dựng một luật lệ.

Với Gogol, bản văn là một thông điệp quan trọng và cần thiết tức thì trong sự cứu độ người Nga thoát khỏi vòng tội lỗi. Nhà văn thực sự tin tưởng rằng độc giả sẽ đón nhận nó với nỗi sợ hãi và lòng biết ơn. Nào dè, quyển sách vừa mới chào đời đã làm dựng lên trong nước Nga những cơn bão văn chương mãnh liệt. Thay vì được ca ngợi giống như một nhà tiên tri, bấy giờ nhà văn lại bị tàn sát dưới những luồng tấn công từ mọi phía.

Không thể lẫn tránh các cú tấn công dồn dập, **nhà văn bắt đầu rơi vào trạng thái “rối loạn để đi đến chỗ tự tin rằng, do bởi tính kiêu căng tội lỗi mà ông đã vĩnh viễn bị mất đi ân sủng của Thượng Đế”**. Gogol tự tỏ ra ghê tởm chính mình và tìm giải thoát trong tôn giáo một cách tuyệt vọng, gia tăng sự cầu nguyện và các thực hành khổ hạnh. Nhưng cả với điều này, Gogol vẫn thất bại.

Bấy giờ, bị ám ảnh bởi sự hoang tưởng, nhà văn vội vã đi khắp Âu Châu, cố gắng tìm phương sách cứu độ, rồi kết thúc bằng một chuyến hành hương đến vùng đất Thánh.

Từ Palestine quay trở về Nga, ông quyết định dừng chân trong Moscow, **tâm trí hoàn toàn bận rộn với ý nghĩ tự cứu độ cho mình.**

Tại đây, giữa những thống khổ dày vò không ngớt, Gogol gặp Linh mục Matvei Konstantinovski, một tu sĩ Nga dòng khổ hạnh, tính nết hẹp hòi thô bạo, lại ngu dốt về văn chương, đã tạo nên trong lòng nhà văn cái ý nghĩ rằng những tác phẩm từng sáng tác trước kia chỉ là kết quả xúi bẩy của ma quỷ, cần phải bị hủy diệt. Khi nghe lời xưng tội của Gogol, ông ta khuyên Gogol bỏ viết và vào sống trong một tu viện. Gogol trả lời: **“Không được viết văn đối với tôi có nghĩa là không được quyền sống nữa.”**

Và nhà văn thi hành ngay điều đã nói.

Rạng sáng ngày 12/5/1852, Gogol quỳ gối nguyện cầu với sự ăn năn khẩn thiết. Sau đó, ông cho gọi cậu nhỏ người làm, cùng cậu bước vào trong khắp các phòng, cứ mỗi phòng lại làm dấu thánh giá một lần. Cuối cùng, nhà văn rút ra chiếc cặp đựng phần II tập bản thảo “*Những Linh Hồn Chết*” đã mất hàng 10 năm để sáng tác, ném vào lò sưởi và ném thêm vào đó một ngọn nến đang cháy. Cậu nhỏ ngăn ông lại, nhưng Gogol đáp rằng: “*Đây chỉ là một sự tử hình cho chính ta, không phải là chuyện của con. Con hãy cầu nguyện đi!*”

Khi những trang sách đã bị đốt cháy trợn, Gogol làm dấu thánh giá, hôn lên trán cậu nhỏ, rồi lê chân vào phòng ngủ, ném mình xuống giường, bật khóc.

Tiếp đó, nhà văn lâm vào trạng thái buồn sâu dữ dội. Không phải từ những hô hào thúc giục của vị linh mục, cũng chẳng là sự vô hiệu quả trong cách chạy chữa của các bác sĩ, mà **“chính tự ý nhà văn quyết định tuyệt thực cho đến chết.”**

Ngày thứ mười sau cái đêm đốt tác phẩm, thứ Năm 21/2/1852, một tháng trước ngày sinh nhật 42 tuổi; lúc 8 giờ sáng, Gogol qua đời tại một bệnh viện tâm thần ở Moscow trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê.

*

**

(Vào truyện)

Tại một cơ quan... nhưng có lẽ chẳng nên nói rõ là cơ quan nào. Trong cuộc đời này, không có gì đáng buồn hơn cho bằng những cơ quan, những đồn lính, những văn phòng, và nói tóm lại, bất cứ loại nào thuộc công sở chính quyền. Thời nay, người ta thường hay có ý nghĩ rằng cá nhân họ dễ dàng bị xã hội sỉ nhục. Tôi được nghe kể, cách đây không lâu, có một viên thanh tra cảnh sát tại một tỉnh nào đó tôi không nhớ rõ, đã gửi một tờ kiến nghị lên chính quyền, phàn nàn rằng tất cả các sắc luật của nhà nước đều bị coi thường và ngay cả cái tên thánh của anh ta cũng bị nói đến một cách khinh thị. Để chứng minh, anh ta đính kèm theo lá đơn một số rất nhiều bản sao của một tác phẩm lãng mạn nào đó, trong ấy, cứ mỗi mười trang lại thấy trình bày ra một cách tình cờ, nhân dáng của một viên thanh tra cảnh sát trong tình trạng say khướt.

Vì vậy, để tránh đi tất cả mọi hiểu lầm đáng tiếc, chúng ta nên đặt tên cho cái tòa nhà mà chúng ta đang nói tới là *“một cơ quan nào đó”* thì hơn.

Và, như thế, trong *“một cơ quan nào đó”* có viên công chức, một con người chẳng có gì đáng để cho kẻ khác chú ý đến. Anh ta dáng người hơi thấp, mặt có chút rỗ hoa, tóc hung hung đỏ, đôi mắt lơ lơ, trên đỉnh đầu bị hói khoảnh nhỏ, hai bên má có những vết nhăn và một làn da tái tái, kết quả của khí hậu cái xứ St. Pétersbourg này chứ chẳng phải do lỗi lầm của bất cứ ai.

Về chức vị, (bởi với chúng ta, chức vị của một người là điều hàng đầu cần phải được nói đến), anh ta được gọi là hội viên vĩnh viễn của hội đồng thành phố, cấp bậc thứ chín trong số 14 cấp mà Cơ Quan Dân Sự của xứ sở chúng ta đã phân định; loại người, như ai cũng biết, đã bị chế nhạo và khinh bỉ bởi một số các nhà văn có thói quen đáng ca ngợi là ưa thích tấn công những ai không thể tự chống trả trở lại.

Viên công chức này mang cái họ là Bashmachkin. Chính từ cái họ đã nói lên điều rằng ngày xưa nó được xuất phát từ chữ *“bashmak”* trong tiếng Nga, có nghĩa là *“giày”*. Nhưng đến một lúc nào đó, và dưới những hoàn cảnh

nào đó, từ “*bashmak*” biến thành “*Bask- machkin*” thì thật chẳng ai có thể biết rõ. Cha anh ta, ông nội anh ta, và ngay cả người em rể, cũng như tất cả những người mang giày ống trong gia đình Bashmachkin đều thường thay đế mới hai hay ba lần trong một năm.

Tên cúng cơm của anh ta là Akaky Akakievich. Độc giả có thể nghĩ đó là cái tên có hơi chút kỳ dị, nhưng tôi xin bảo đảm cho anh ta rằng điều ấy không chút nào được trù tính trước, mà nó chỉ xảy ra một cách rất bình thường, bởi vì không còn tên nào khác để đặt cho anh ta.

Sự việc được chứng minh như sau:

Nếu tôi nhớ không lầm thì Akaky Akakievich chào đời đêm 23 tháng 3. Mẹ anh ta, vợ của một viên công chức và là một người phụ nữ hoàn hảo trên nhiều phương diện, đảm nhận tất cả mọi sự trong việc đặt tên thánh cho đứa nhỏ. Lúc ấy bà vẫn còn nằm trên giường sanh, nhìn ra ngoài cửa. Phía bên phải bà hiện diện hai nhân vật: ông cha đỡ đầu tên Ivan Ivanovich Yerosh- kin, một con người rất đáng trọng, trưởng phòng thư ký ở Tòa Án, và bà mẹ đỡ đầu, Arina Semyonovna Byelobrúshkina, vợ của một viên thanh tra cảnh sát quận, cũng là một phụ nữ đáng trọng.

Bà mẹ được đề nghị ba cái tên để chọn: *Mokkia*, *Sossia*, và *Khozdat*, (tên cuối cùng được gợi ý từ tên của vị thánh tử đạo Khozdat.)

“*Chúa ơi!*” bà mẹ nghĩ, “*toàn là những cái tên kỳ dị!*”

Để làm bà hài lòng, họ đưa ngọn nến sang trang kế tiếp, và lần nữa ba cái tên khác không mấy phổ thông lại được gợi ra, *Trifily*, *Dula* và *Varakhassy*.

“*Chán quá! Thật là phiền!*”, người mẹ tội nghiệp kêu lên, “*Đó là những cái tên quái đản tôi chưa từng được nghe từ trước! Varadat hay Varukh đã đủ rồi, lại còn Trifily và Varakhasy nữa chứ!*”

Một trang khác lại được lật ra trên hai cái tên mới: *Pavsikakhy* và *Vakhtissy*.

“*Thôi*”, người mẹ nói, “*âu cũng là số phận của thằng bé này. Cha nó tên Akaky, cứ hãy gọi nó là Akaky luôn vậy.*”

Và đó là lý do tại sao mà anh ta được mang cái tên Akaky Akakievich kể từ đây.

Trong khi làm lễ đặt tên thánh, đứa bé khóc ré lên, mặt nhăn nhó, như thể nó đang nhìn thấy trước mắt cái hậu vận là một viên thư ký tầm thường về sau trong cuộc đời.

Nhưng dù gì thì cũng đã là chuyện xảy ra trong quá khứ. Tôi phải dài dòng như thế để độc giả có thể hiểu tại sao anh ta không được đặt cho một cái tên nào khác.

*

**

Không ai nhớ rõ Akaky Akakievich đến làm việc trong cơ quan từ lúc nào và ai là người đã nhận anh ta vào đó. Trong những năm này, dù với biết bao vị giám đốc hay những nhân viên cao cấp luân phiên thay đổi, anh ta vẫn cứ lưu lại nơi chỗ cũ, chính ngay vị trí cũ, không xê dịch mảy may khỏi công việc cũ, hoàn thành những bổn phận như

cũ, nghĩa là sao chép lại tất cả những văn kiện nào cấp trên đưa ra, tuồng như thể anh ta được sinh ra chỉ để làm cái nghề thư ký đánh máy, mặc đồng phục, trên đỉnh đầu có một mảng hói.

Tại cơ quan, anh ta chẳng được ai tôn trọng. Người gác cổng không buồn nhích mông khỏi ghế hay tỏ ra lưu ý đến sự hiện diện của anh ta, như thể anh ta chỉ là một con ruồi bay qua phòng đợi. Các vị xếp đối xử với anh ta bằng thái độ cách biệt rất trịch thượng. Viên phụ tá giám đốc thường ném các văn kiện trước mặt anh ta mà chẳng buồn nói “*Làm ơn chép giùm*”, hay “*Bản này rất thú vị, một trường hợp đặc biệt*”, hoặc tỏ ra vài điệu bộ vui vẻ, như điều thường xảy ra trong các văn phòng đảng hoàng khác. Và anh ta cầm lấy bản văn, chú mục vào trang giấy mà chẳng cần biết ai là người đã đưa nó, hoặc giả người kia có quyền để đặt nó lên bàn hay không. Anh ta chỉ cầm lấy, lập tức sao chép lại.

Những thư ký trẻ thường hay chế giễu anh ta tới tận cùng. Họ không ngại ngần kể ra ngay trước mặt anh ta những câu chuyện do tự họ bịa ra, bảo rằng bà chủ nhà trọ của anh ta, một phụ nữ đã 70 tuổi, từng có lần đánh đập anh ta; hoặc họ hỏi bao giờ thì anh ta cưới bà ấy làm vợ. Họ cũng ném cả những tờ giấy vụn lên đầu anh ta và gọi đó là những hạt tuyết trắng. Akaky Akakievich không hề đáp trả tiếng nào trước những trò đùa như thế, như tuồng những kẻ dày vò kia không có mặt ở đó. Điều ấy cũng chẳng mấy may ảnh hưởng đến công việc anh ta đang làm. Giữa những lời trêu chọc quái ác, Akaky chưa từng chép sai một lỗi nhỏ. Chỉ đến khi nào trò đùa trở nên quá đáng, hoặc có ai đó thúc tay vào người anh ta, làm trở ngại cho công việc, lúc đó anh ta sẽ nói: “*Xin để tôi yên! Tại sao các anh lại sỉ nhục tôi?*”

Một cái gì thật cảm động biểu tỏ trong lời lẽ và giọng nói anh ta đến nỗi có một viên thư ký trẻ mới vào làm việc, kẻ vẫn thường bắt chước những người khác trêu chọc Akaky Akakievich, đột nhiên ngừng lại, như thể trái tim đang bị nhói. Từ đó trở đi, thái độ viên thư ký này thay đổi hẳn, và tự dung lại biến thành một con người hoàn toàn khác. Dường như có một sức mạnh vô hình tách rời chàng nhân viên trẻ kia khỏi các đồng nghiệp mà thoát đầu chàng vẫn nghĩ rằng họ đều là những kẻ đảng hoàng và có giáo dục. Rất lâu sau đó, trong những lúc vui thú nhất, bóng dáng viên công chức nghèo bé nhỏ, cái đầu có một mảng hói bỗng hiện ra trước mắt chàng với lời nài khẩn: “*Xin để cho tôi yên! Tại sao các anh sỉ nhục tôi?*” và trong những lời tha thiết ấy, chàng tưởng như đang nghe thêm những lời khác nữa: “*Tôi là người anh em của các anh mà!*” Thế là chàng tuổi trẻ đáng thương gục mặt mình trong hai bàn tay. Rồi, rất nhiều lần sau đó trong đời, chàng đâm rùng mình khi chợt nhận thức được trong bản chất của con người đã cư mang rất nhiều thú tính tàn nhẫn, ẩn nấp bên dưới cái bề mặt đẹp đẽ, văn minh, lịch sự; và lạy Chúa, ngay cả trong những kẻ đã được liệt vào hàng đáng kính nữa.

Thật khó tìm thấy người nào say mê công việc như Akaky Akakievich. Nếu nói rằng chỉ sốt sáng thôi thì không đủ; không, anh ta yêu công việc của mình. Thế đó, trên những bản văn sao chép, với cái nhìn rất toại ý, Akaky

Akakiyevich tựa hồ như đang tìm ra cho chính mình một thế giới đầy thích thú. Khi gặp những lá thư đặc biệt, anh ta rất hoan hỉ; chắc lưỡi, trẻ môi, cái hàm vắn qua vắn lại, cơ hồ từng chữ đang viết có thể được đọc rõ trên mặt anh ta.

Nếu như có sự tưởng thưởng nào theo lòng nhiệt tâm với công việc mà Akaky Akakiyevich đạt được thì chỉ là nỗi kinh ngạc trong chính con người anh ta khi đột nhiên ý thức rằng mình đang là một hội viên của Hội Đồng Dân Sự. Ngoài ra, một cái khay tròn bằng thép được các đồng nghiệp đưa cọt cài trên lỗ áo anh ta, thêm một chứng bệnh trĩ, là tất cả những gì còn lại anh ta được nhận.

Tuy nhiên, không thể nói rằng tất cả mọi người đều coi thường Akaky Akakiyevich. Thật vậy, một vị giám đốc có lòng tốt muốn ban thưởng cho sự làm việc lâu năm của Akaky Akakiyevich đã đưa ra một văn kiện quan trọng hơn các bản văn sao chép hằng ngày, bảo anh ta phải soạn ra một bản báo cáo về một tài liệu đã hoàn tất của một cơ quan khác. Tất cả việc Akaky Akakiyevich phải làm là sửa lại cái đề mục và đổi vài động từ từ nhân vật thứ nhất sang nhân vật thứ ba trong tài liệu ấy. Tuy nhiên, với Akaky Akakiyevich, điều thực hiện này thật khó đến toát mồ hôi trán và cuối cùng anh ta phải thú nhận:

“Không, tôi không thể làm được. Ông nên đưa cho tôi một văn kiện khác để sao chép thì hơn.”

Từ đó trở đi, họ đành để Akaky Akakiyevich làm công việc sao chép mà thôi. Và cũng thế, ngoại trừ các văn kiện, chẳng có gì trên đời quan trọng đối với anh ta cả.

*

**

Về trang phục, Akaky Akakiyevich chẳng hề tỏ ra quan tâm đến. Bộ đồng phục thì không còn là màu xanh mà đã chuyển sang màu cháo lòng xám xịt. Cổ áo chật và ngắn đến nỗi cái cổ của Akaky Akakiyevich dù không dài chút nào thì vẫn như đang lòi ra hằng dặm, giống như cổ của những con mèo bằng nhựa với cái đầu đu đưa qua lại mà các người ngoại quốc vẫn thường đem đi bán dạo trong nước Nga.

Trên bộ đồng phục lúc nào cũng thấy dính hoặc một cọng rom hay một sợi chỉ. Ngoài ra, Akaky Akakiyevich có một cố tật đặc biệt là thích đi qua cửa sổ những tòa nhà cao ngay đúng vào lúc mà những thứ rác rưởi được ném xuống đường; vì thế, thường xuyên trên nón anh ta vẫn thấy có một chút vỏ dưa hay vật gì tương tự.

Trước nay, Akaky Akakiyevich chẳng chút nào chú ý đến những việc xảy ra trên đường phố, điều hoàn toàn khác hẳn với các gã trẻ tuổi làm cùng sở luôn luôn có cái nhìn chòng chọc vào bất cứ ai. (Với những gã này, ngay cả những người đang đi bên lề đường đối diện với một cái giầy quần bị tuột thì vẫn là mục tiêu cho những cái cười nhạo báng hiểm độc của họ). Nhìn đến thứ gì, Akaky Akakiyevich vẫn chỉ thấy trước mắt là những dòng chữ, rõ ràng đều đặn; vì vậy, khi bất thần có một con ngựa từ đâu đó hiện ra, đặt đầu nó lên vai anh và hình mũi thở nhẹ vào má anh ta, Akaky Akakiyevich mới chợt nhận thức rằng đang đứng giữa phố phường chứ không phải là đang ngồi trước những dòng chữ.

Về tới nhà, Akaky Akakievich ngồi ngay vào bàn, ăn vội tô súp và một miếng thịt bò ướp hành. Anh ta cũng chẳng buồn chú ý đến mùi vị của cái món đang nhai, nhưng ăn sạch tất cả những gì trước mặt, dù trong ấy có thêm xác vài con ruồi chết chẳng nữa.

Khi cái bao tử đã đầy, anh ta nhồm dậy khỏi bàn, vói lấy bình mực và bắt đầu sao chép những văn kiện đã đem theo về nhà. Lúc không còn gì nữa để chép, Akaky Akakievich sẽ viết lại bản khác để dành cho riêng mình, như một thú vui đặc biệt. Đó là những văn kiện không phải được lưu ý vì lỗi hành văn hay vẻ đẹp hình thức của nó, mà bởi nó được gửi tới cho một nhân vật quan trọng nào đó.

Lúc màn đêm đã buông xuống trên thành phố St. Pétersbourg thì toàn thể các công chức hoặc là đang dùng bữa ăn tối với đầy đủ những món ưa thích tùy theo số lương và khiếu ẩm thực, hoặc là nghỉ ngơi sau một ngày dài vật lộn với công việc hối hả tại cơ quan; lại có người sau khi đã hoàn tất những cần thiết của riêng mình và kẻ khác (hay bất cứ điều gì mà một con người hiếu động thường tự ý gánh vác, dù quá sức mình chẳng nữa) bấy giờ bắt đầu hưởng thụ tới cùng những giờ phút nhàn nhã còn lại, kẻ thì nhanh chân đi đến rạp hát, kẻ lại chăm bẵm ngắm nhìn các chiếc nón đẹp của các người đàn bà; cũng có anh tìm tới một buổi hội để tán tưng một cô gái đẹp làm việc tại một cơ quan tầm thường nào đó, lại cũng anh khác –và điều này chiếm đa số- tìm đến một đồng nghiệp đang sống trong căn gác trọ trên tầng ba hay tầng bốn với hai phòng nhỏ có hành lang và một cái bếp hẹp, vài món hợp thời trang đầy tính khoa trương, một ngọn đèn hay vài vật dụng khác tựu được bằng rất nhiều hy sinh cá nhân như việc nhịn không đi ăn tối nhà hàng hay không đi chơi vùng quê cuối tuần... Những công chức này phân tán ra bên trong những căn gác nhỏ xíu của bạn bè để cùng chơi bài *whist*, nhấp nhấp tách trà, nhai nhai một mẫu bánh nhỏ hoặc hít khói từ cái ống điếu dài; vừa chơi bài họ vừa kể ra vài câu chuyện đã được lưu truyền từ giới thượng lưu, một sự thích thú mà hầu hết các người Nga đều có trong máu huyết; hoặc khi không còn chuyện gì để nói nữa, họ sẽ kể ra câu chuyện cũ xi về viên trưởng đồn đã xén mất cái đuôi ngựa của bức tượng Peter Đại Đế do Falconetti dựng nên.

Tóm lại, ngay trong khi mọi công chức tại thủ đô đang cố hưởng thụ tới cùng mọi thú vui buổi tối thì Akaky Akaievich vẫn tỉnh bơ trước những chào mời của hội hè đình đám. Chưa ai từng có thể bảo rằng đã nhìn thấy anh ta tại một bữa tiệc. Chép xong những văn kiện để giữ cho riêng mình, anh ta đi ngủ, mỉm cười nghĩ tới ngày mai và ngạc nhiên theo điều mà Chúa đã ban cho anh ta cái nghề thư ký.

Vì thế mọi sự vẫn êm xuôi trong cuộc đời Akaky Akaievich, một người biết tự bằng lòng số phận với số lương 400 rúp một năm.

Và có lẽ tất cả vẫn cứ mãi thế cho đến tuổi già trong đời Akaky Akakievich nếu như anh ta không gặp những tai họa, điều vẫn thường xảy ra cho không những với loại thư ký hạng bét, mà còn cả những người cấp bậc cao hơn dù là ở cơ quan công hay tư, và ngay cả xảy ra cho những ai chẳng quan tâm gì đến kẻ khác, lại cũng chẳng biết tự khuyên nhủ kèm chế lấy mình.

*
* *

Trong thành phố St. Pétersbourg có xuất hiện một kẻ thù nguy hiểm cho những người chỉ sống bằng số lương 400 rúp một năm. Kẻ thù này chẳng ai khác hơn là cái khí hậu giá băng lạnh cóng, dù rằng người ta vẫn bảo nó rất tốt cho sức khoẻ con người.

Vào khoảng từ 8 đến 9 giờ sáng, đúng ngay cái giờ mà tất cả những công chức đang vội vã trên đường đến cơ quan, sự giá băng này, dữ dội và tê buốt, bắt đầu lộ diện ngay trên đầu mũi mọi người, bất kể là ai. Khi ấy, với những người ở cấp cao, sương giá làm họ buốt đầu vàng trán và nước mắt ứa ra; thì những viên công chức nghèo chẳng cách nào để tự bảo vệ ngoài mỗi việc chạy càng nhanh càng tốt trên năm hay sáu con đường trong một cái áo khoác mỏng tồi tàn; sau đó sưởi ấm đôi chân một cách cẩn thận trong phòng người gác cổng cho đến khi nào tất cả những năng lực đã bị đông cứng trên đường phố bấy giờ được hồi phục lại để có thể giải quyết những công việc văn phòng.

Akaky Akakievich nhiều lần cảm nhận rõ ràng cái lạnh tàn bạo thấm qua trên lưng trên cổ, nhưng cố gắng chạy thật nhanh từ nhà đến cơ quan. Cho đến một lúc anh ta bất chợt tự hỏi rằng không biết đã có khuyết tật nào trong cái áo khoác của anh ta không? Về nhà xem xét cẩn thận, Akaky Akakievich khám phá ra hai hay ba chỗ trên lưng và quanh vai tựa sồn như cái sàng rây, lớp vải đã bị tét rách nhiều đến nỗi gió lùa vào dễ dàng, và các đường nếp thì xác xơ từng mảnh.

Tôi phải nhắc cho độc giả biết rằng cái áo khoác ngoài của Akaky Akakievich đã từng là một cái đích cho những trận cười của các đồng nghiệp. Nó mang cái tên danh tiếng của các nhà sản xuất áo khoác, và từng được gọi là “*kapot*”, danh từ thông thường dùng để chỉ áo quần phụ nữ. Thật thế, nó được cắt may theo một kiểu khá đặc biệt. Cái cổ cứ thâu nhỏ lại mỗi năm để dùng lớp vải nơi đó vá lên những phần khác. Những mảng vá thì không phải là những mẫu của nghệ thuật may mặc, mà trông thật vụng về xấu xí.

Muốn biết điểm sai lầm nào, Akaky Akakievich quyết định mang áo đến Petrovich, gã thợ may cư ngụ trên tầng bốn ở cầu thang phía sau, và, dù rằng chỉ có một mắt và khuôn mặt đầy dấu rỗ hoa, gã cũng khá thành công trong việc sửa lại các cái quần hay áo khoác ngoài cho các viên thư ký, hoặc những người khách khác (với điều kiện chỉ khi nào gã tỉnh táo, không say rượu và không có gì bận rộn trí óc).

Về gã thợ may này, dĩ nhiên tôi không phải trình bày nhiều, nhưng kể từ khi có cái lệ rằng tất cả các nhân vật trong một quyển tiểu thuyết phải được diễn tả đầy đủ, thì, tôi đành phải nói về Petrovich vậy. Là nông nô của một vị điền chủ nào đó, thoát tiên gã được gọi đơn giản là Grigory. Cái tên Petrovich (thông thường, nông nô ở Nga chỉ được gọi bằng tên tộc, trong khi các giới khác được gọi không những bằng tên mà còn cả họ nữa) chỉ xuất hiện khi gã được trả tự do khỏi kiếp đọa đày và khởi sự say bét nhè trong mỗi ngày nghỉ lễ, lúc đầu chỉ trong những ngày lễ chính; sau đó thêm những ngày lễ thánh, bất kể ngày nào, miễn là trên cuốn lịch thấy có đánh dấu chữ thập. Với điều

này, gã đã theo đúng truyền thống tổ tiên. Khi cãi nhau với vợ, gã thường hay gọi mẹ ta là người đàn bà quốc tế, hoặc là một mẹ nạ dòng gốc Đức.

Phần vợ gã, lẽ ra cũng nên nói đôi lời, nhưng tiếc rằng không có gì để trình bày ngoài việc mẹ là vợ của Petrovich và thường đội một cái mũ không có giải cột. Hiển nhiên là nhan sắc mẹ rất tầm thường, vì thế, khi gặp mẹ, chẳng ai buồn ngó, ngoại trừ đôi lần họa hiêm mới thấy có một anh lính gác nào đó cúi nhìn vào nón mẹ, rồi tự se se hàng râu và làm bầm những lời kỳ cục.

Trong khi leo lên những bậc thang (phải nói cho công bằng là cái cầu thang bị ướt đẫm bùn bẩn, dậy nồng mùi ăm-mô-nhắc làm cay xè đôi mắt, và là điều, như chúng ta vẫn biết trong thành phố Pétersbourg, luôn luôn nằm ở phía sau những căn nhà) dẫn đến phòng Petrovich, Akaky Akaievich không biết gã thợ may sẽ tính bao nhiêu cho việc làm này, nhưng trong thâm tâm quyết sẽ không đưa gã nhiều hơn hai rúp.

Cánh cửa để mở vì mẹ vợ Petrovich đang rán cá làm căn bếp khói bốc um đây, nhiều đến nỗi cả đến những con gián cũng không thể nhìn thấy. Không lưu ý đến người đàn bà, Akaky Akakievich băng qua căn bếp và bước vào trong căn phòng.

Petrovich đang ngồi trên một cái bàn lớn bằng gỗ không được sơn quét, đôi cẳng tréo lại trước mặt, giống y như một viên tổng trấn Thổ Nhĩ Kỳ. Hai bàn chân gã để trần như thường các anh thợ may vẫn làm thế khi ngồi vào bàn máy; và điều đầu tiên đập vào mắt Akaky là ngón cái thật bự của gã với một cái móng méo mó dày cộm cứng như cái vỏ sò hay cái mai rùa. Những tép chỉ bằng lụa và bằng cô-tông đeo lưng lẳng quanh cổ Petrovich. Trên gối gã là vài mảnh giẻ cũ. Phải mất đến ba phút mà vẫn không thể xuyên được sợi chỉ qua lỗ kim, gã đâm cái kính với bóng tối và với chính sợi chỉ, miệng làm bầm chửi rủa:

“Sao không lọt qua hả, đồ con lợn! Mà làm tao điên tiết, đồ chó đẻ!”

Akaky Akakievich thấy rất nản vì đã đến nhầm lúc Petrovich đang trong cơn bực bội. Anh ta chỉ muốn thương lượng với gã khi gã có chút hơi men, hay, như lời vợ gã thường diễn tả *“tự mình tẩm bổ bằng vodka, đồ tên quỷ một mắt.”* Thường trong những hoàn cảnh như vừa nói, Petrovich rất dễ chịu để sẵn sàng nhận món hàng bằng bất cứ giá nào, ngay cả cúi mình cảm ơn khách nữa. Sau đó, vợ gã sẽ tìm đến Akaky Akakievich, than thở rằng chồng mẹ đã say nên lấy tiền công quá ít. Vì vậy, nếu Akaky Akakievich đưa thêm cho mẹ mười cô-pếch nữa thì mọi sự sẽ tiến hành tốt đẹp. Nhưng trong dịp này, Petrovich rõ ràng tỉnh táo nên tính tình cộc cằn, không thích mặc cả. Chỉ có quỷ mới biết cái giá nào gã sẽ sẵn sàng đòi hỏi.

Akaky Akaievich nhận thức điều ấy, định bụng rút lui, nhưng đã trễ, bởi vì Petrovich đang nheo con mắt độc nhất, nhìn chăm chú vào anh ta. Akaky Akakievich đành phải nói:

“Chào anh Petrovich”.

“Chúc ông một ngày đẹp,” Petrovich đáp, và liếc nhìn cái vật trên tay Akaky, cố gắng tìm hiểu xem đó là cái gì.

“Đây này, tôi đến gặp anh để, nhìn xem này, Petrovich.”

Phải lưu ý rằng trong lời nói của Akaky Akakievich, đầu đuôi thấy chẳng có gì ăn nhập với nhau. Anh ta thường có thói quen bỏ dở câu nói nửa chừng, vì vậy, luôn luôn sau một câu vừa bắt đầu với từ ngữ: *“Thật như thế này, anh biết không?”* thì chẳng có gì theo sau cả và chính Akaky Akakievich cũng hoàn toàn quên bồng sự kiện mình không kết thúc ý nghĩ; thế vào đó lại cho rằng đã nói xong tất cả những điều cần thiết phải nói rồi.

“Cái gì vậy?”

Petrovich vừa hỏi vừa bằng con mắt độc nhất chăm chú xem xét toàn thể cái áo choàng Akaky Akakievich đưa ra, từ cổ tới cánh tay, cái lưng, vạt áo, đến từng lỗ khuy, cái nút –những thứ rất quen thuộc với gã từ khi gã làm cái nghề này. Đó cũng là điều đầu tiên những anh thợ may vẫn làm khi đứng trước một người khách.

“Ồ, cái áo khoác của tôi... anh thấy đó, Petrovich, mọi chỗ đều còn rất tốt, chỉ một chút bụi nhỏ thôi nên trông như đã cũ, nhưng nó còn mới và chỉ một chỗ, chút xíu thôi... trên lưng ... một chỗ rách nhỏ trên vai... anh thấy không? Thế thôi, không cần sửa gì lắm...”

Thoạt tiên Petrovich trải dài cái “áo choàng phụ nữ” trên bàn, xem xét hồi lâu, lắc đầu, rồi vói tay lên thành cửa sổ lấy cái hộp đựng thuốc lá trên nắp có in hình một vị đại tướng nào đó –vị đại tướng nào thì tôi không thể nói cho chắc chắn, bởi vì ngay mặt ông ta đã bị lủng một lỗ và được bít lại bằng một mảnh giấy nhỏ hình vuông.

Sau khi nhón hai ngón tay bốc một dúm thuốc, Petrovich cầm “cái áo choàng phụ nữ”, đưa ra ánh sáng nhìn và lại lắc đầu. Xong, gã lật lớp vải lót lên xem, lắc đầu lần nữa. Cũng lần nữa, gã giở cái nắp hộp có mảnh giấy che mặt ông đại tướng, nhồi một dúm thuốc vào trong mũi, đóng nắp hộp, để nó sang một bên, rồi cuối cùng nói:

“Không, tôi không thể sửa được. Rõ là một cái áo thật tồi!”

Trái tim Akaky Akakievich chùng xuống hẳn theo những lời ấy.

“Sao thế? Petrovich?” anh ta nói, giọng như của một đứa nhỏ đang cầu khẩn điều gì. *“Tại sao vậy, chỉ một chút rách trên vai thôi mà, anh có vài mảnh vải nhỏ...”*

“Vâng, các mảnh vải thì dễ thôi”, Petrovich đáp, *“nhưng làm sao mà vá được, áo bị mục hết rồi; chỉ cần đặt một cây kim, nó sẽ tưa ra hết.”*

“Cứ để nó tưa, nhưng anh có thể đặt một miếng vá trên đó.”

“Chẳng cách chi vá được. Chẳng còn chỗ nào đặt vải lên mà vá cho được. Có một chỗ căng lớn, một cơn gió đủ làm nó bay mất thôi.”

“Vậy thì, may đè lên cho chắc... Ý tôi muốn nói, nó không thể... đây là...”

“Không”, giọng Petrovich cương quyết, *“không thể làm gì được, cái áo tồi quá. Không có gì giữ chúng lại với nhau. Tất cả điều tôi có thể khuyên là khi mùa đông đến, ông nên cắt nó ra mà quần quanh cẳng chân, bởi ông biết,*

loại vớ bây giờ chẳng tốt chút nào cả. Chúng chẳng có gì ám. Cái lũ người Đức chế ra chúng chỉ cốt kiếm nhiều tiền. (Petrovich chẳng bỏ cơ hội nào để chửi xéo giống dân Đức.) Về chuyện áo khoác, rõ ràng là ông cần phải có một cái áo mới.”

Nghe đến chữ “mới”, đôi mắt Akaky Akakievich bỗng tối sầm và mọi thứ trong phòng như tuồng mờ đi. Anh ta không còn thấy gì rõ ngoại trừ hình ảnh ông đại tướng với miếng giấy dán trên mặt nơi nắp cái hộp thuốc lá của Petrovich.

“Một cái áo mới, anh nói thế nghĩa là gì?” Akaky hỏi, cảm tưởng như đang trong cơn mơ ngủ, “tôi làm gì có tiền để may áo mới chứ?”

“Vâng, một cái mới”, Petrovich lập lại với sự điềm tĩnh tàn bạo.

“Nào, nếu như... nếu như may một cái áo mới thì phải mất bao nhiêu?.. ”

“Ý ông muốn nói giá tiền?”

“Vâng”

“Xem nào, ít nhất một trăm năm mươi rúp”, Petrovich nói, xong mím môi một cách đầy ý nghĩa. Gã rất thích tạo nên ấn tượng mạnh cho kẻ khác, thích bắt thần giáng một cú vào đầu kẻ nào đó rồi liếc nhìn xem người kia đang thế nào.

“Một trăm năm mươi rúp cho một cái áo khoác!”, anh chàng Akaky Akakievich đáng thương bật kêu nhỏ- đó có lẽ là lần đầu trong đời, anh ta mới to giọng như thế bởi anh ta vốn được tiếng là nói năng rất nhỏ nhẹ.

“Vâng”, Petrovich đáp, “và còn tùy vào cái áo nữa. Nếu phải đặt cái lông chồn trên cổ, thêm cái mũ trùm có lót lụa thì nó phải lên đến hai trăm.”

“Petrovich, xin anh”, Akaky Akakievich nói bằng giọng cầu khẩn, không nghe và cũng cố không nghe những lời Petrovich, không lưu ý đến bất cứ hiệu quả tốt đẹp nào mà gã thợ may đang diễn tả về cái áo. “Nào, xin anh vá một chút thôi để tôi có thể dùng nó thêm một thời gian nữa.”

“Không, làm thế chỉ phí công tôi và tốn tiền ông”, Petrovich đáp.

Sau lời phán quyết đó, Akaky Akakievich rời khỏi căn phòng của Petrovich với tấm lòng nhàu nát. Còn gã thợ may thì ngồi lại thế cũ một lúc lâu, đôi môi mím chặt đầy ý nghĩa, trước khi bắt tay lại vào công việc. Gã cảm thấy hài lòng rằng đã không tự hạ mình, hay hạ giá nghệ thuật may mặc của gã.

Phần Akaky Akakievich khi quay bước lại trên đường phố, có cảm tưởng như thể đang ở trong mơ. “À ra thế!”, anh ta tự nói, “ta thật không nghĩ mọi thứ sẽ xảy ra như thế!...”

Sau một lúc lặng yên, anh ta tiếp: “À ra vậy! Cuối cùng là như vậy! Ta thật không bao giờ có thể ngờ nó sẽ xảy ra như vậy...”

Lại lặng yên lúc lâu, sau đó lẩm bẫm: “À ra thế! Thật không ngờ nói!.. Ai có thể ngờ nói chứ?”

Xong, thay về đi về nhà, Akaky Akakievich lại bước trên hướng ngược chiều mà không ý thức ra mình đang làm gì.

Trên đường đi, một người thợ cạo ống khói vụng về lỡ chạm cái mặt đầy bồ hóng vào lưng Akaky Akakievich làm một bên vai anh ta trở nên đen ngòm. Thêm một nón đầy những mảnh hồ vụn từ trên cao một căn nhà đang xây dờ rơi vãi xuống người Akaky Akakievich. Anh ta cũng chẳng màng lưu ý theo điều đó. Chỉ sau khi va vào người một viên cảnh binh lúc ấy đang đặt cây kích xuống bên cạnh, rử rử cái còi trong bàn tay chai sần, và cũng bởi vì viên cảnh binh hỏi:

“Sao anh lại thúc vào người tôi? Bộ cái vỉa hè này không đủ rộng cho anh?” thì Akaky Akakievich mới sực tỉnh, nhìn quanh và định hướng quay về nhà.

Tại nhà, Akaky Akakievich bắt đầu thu thập ý nghĩ, nhìn rõ vào sự việc, rồi, thay vì làm nhảm, anh ta lại tự nói một mình, hợp lý và công khai, như thể với một người bạn nhậy cảm mà người ta có thể bàn cãi những vấn đề sâu kín và quan trọng nhất. *“Không,”* Akaky Akakievich nói, *“không cần phải nói gì với Petrovich lúc này. Anh ta không quan trọng... Anh ta thật sự là... vợ anh ta mới là thứ yếu... Tốt hơn nên tìm đến anh ta vào ngày Chủ Nhật, sau đêm Thứ Bảy thì anh ta sẽ tít mắt buồn ngủ, nên phải cần một tí rượu và vợ anh ta sẽ không cho anh ta lấy một đồng kô pếch. Mình sẽ chuỗi mười kô-pếch vào tay anh ta thì rồi anh ta sẽ dễ dãi hơn và không chững sẽ nhận sửa cái áo khoác của mình...”*

Cho nên tự bằng lòng theo ý nghĩ ấy, Akaky Akakievich hứng khởi đợi đến ngày Chủ Nhật kế tiếp.

Ngày Chủ Nhật, nhìn từ xa thấy vợ Petrovich đã rời khỏi nhà, Akaky Akakievich đi thẳng đến gã Petrovich lé mắt. Quả nhiên gã thợ may khó thể đứng vững và trông rất lơ dờ; nhưng đầu thế, khi vừa nghe những gì Akaky Akakievich đang nói về, tức thì gã nhẩy dựng lên tựa hồ đang trông thấy quý

“Không thể được, ông phải may một cái áo mới.”

Akaky lập tức chuỗi vào tay gã mười kô pếch.

“Cám ơn ông, ông tốt quá. Tôi sẽ uống mừng sức khỏe ông. Nhưng nếu tôi là ông, tôi sẽ không cần bận tâm gì đến cái áo cũ nữa. Nó tôi quá rồi. Tôi sẽ may cho ông một cái áo mới. Ông có thể tin tưởng tôi theo điều đó.”

Akaky Akakievich cố gắng lần nữa để nài nỉ gã thợ may sửa giùm cái áo cũ, nhưng Petrovich không lắng nghe những lời Akaky Akakievich, chỉ nói:

“Tôi sẽ may thật hoàn hảo cho ông một cái áo mới. Tôi sẽ làm bằng tất cả khả năng của tôi, ngay cả may theo kiểu mới thông dụng nhất với cổ gài bằng nút bạc.”

Hoàn toàn tuyệt vọng, Akaky Akakievich nhận biết không thể trốn thoát khỏi việc may một cái áo choàng mới. Tìm đâu ra tiền để làm điều ấy? Dĩ nhiên, anh ta có thể trông mong vào số tiền thưởng trong ngày lễ sắp đến, nhưng

số tiền ấy từ lâu đã được dự trù sử dụng trên những việc khác rồi. Một cái quần mới cần phải mua, lại còn số nợ thiếu anh thợ giày từ lâu chưa trả trên đôi boots phải dán lại cái mũi. Hơn nữa cũng cần có thêm ba cái áo *chemisier* và hai bộ áo quần lót, những thứ không thể kể ra một cách tao nhã bằng chữ nghĩa. Tóm lại, trọn số tiền ấy đã được dự trù trong việc chi tiêu. Ngay nếu như ông giám đốc có ưu ái ban thưởng cho anh ta trong ngày lễ sắp tới số bạc thay vì bốn mươi rúp, mà là bốn mươi lăm hay năm mươi rúp thì cũng chẳng thấm vào đâu; giống như muối bỏ bể nếu so với số tiền phải tiêu cho cái áo khoác.

Hẳn nhiên Akaky Akakievich biết rõ rằng, đôi lúc hiếm hoi, Petrovich cũng bắt thần – chỉ có Trời mới hiểu tại sao đưa ra một cái giá quá cao đến ngay cả mẹ vợ gã cũng không thể nhin được mà kêu lên: “*Ông điên rồi sao, đồ quỷ sứ? Bữa trước ông nhận may không lấy tiền công, hôm sau quỷ tha ma bắt khiến ông lại đòi quá giá.*”

Và giả như Petrovich có bớt xuống tám mươi rúp, thì Akaky Akakievich vẫn không biết tìm đâu ra bảy mươi rúp còn lại? Với phân nửa tổng số, Akaky Akakievich có thể thu xếp được, có lẽ nhiều hơn một chút, nhưng phân nửa kia cũng không biết làm sao mà có.

Ở đây, tôi phải ngừng lại để nói cho độc giả biết từ đâu mà Akaky Akakievich kiếm ra được phân nửa thứ nhất. Từ lâu, Akaky Akakievich có thói quen, hễ lần nào tiêu ra một rúp thì lại cắt đi hai kô-pêch bỏ vào trong một cái hộp nhỏ có khóa với một đường rạch trên nắp dùng để nhét tiền. Cứ cuối mỗi sáu tháng, anh ta lại kiểm tra số kô-pêch bằng kềm và đem đổi nó thành những đồng tiền nhỏ bằng bạc. Trải qua nhiều năm, tiền tích lũy lên đến con số bốn mươi rúp; vì thế mà anh ta đã có được nửa số tiền may áo mới trong tay.

Còn số nửa còn lại phải kiếm đâu bây giờ?

Akaky nghĩ và nghĩ ngợi;... cuối cùng quyết định phải giảm thiểu tối đa mọi chi tiêu, ít nhất là trong một năm. Không đốt đèn buổi tối; nếu phải làm việc, sẽ đi đến phòng bà chủ nhà trọ, nhờ vào ngọn nến của bà. Khi đi bộ sẽ bước thật nhẹ gót cho chậm mòn lớp đế, vì thế đôi giày có thể dùng được lâu hơn lệ thường. Phải ít giặt giũ hơn để cho áo quần khỏi chóng rách; khi về đến nhà phải cởi nó ra mà thay vào cái áo choàng bằng vải mỏng rất cổ lỗ sĩ đã được dung miễn bởi thời gian.

Tình thật, thoát tiền Akaky Akakievich cũng cảm nghe khó khăn trong tình trạng thiếu thốn, nhưng sau một hồi lại trở thành quen, và mọi thứ thông qua trôi chảy. Luôn luôn bị đói vào buổi tối, nhưng Akaky Akakievich tự an ủi mình bằng món ăn tinh thần. Bây giờ, toàn thể cuộc đời anh ta trở nên có ý nghĩa hơn, như thể anh ta vừa mới lập gia đình, có ai đó cùng hiện diện trong cuộc sống để không còn phải cô đơn nữa. Một người bạn đồng hành để chịu đã đồng ý đi cùng trên một đường đời, tay trong tay với anh ta, và kẻ đồng hành đó không ai khác hơn là cái áo khoác mới với lớp đệm dày và lớp vải lót chắc chắn, bền bỉ.

Từ đó, Akaky Akakievich trở nên sinh động hơn, giống như một người có một mục tiêu rõ rệt đang bày ra trước mắt. Trên khuôn mặt và thái độ Akaky Akakievich, cá chất do dự mơ hồ xưa nay hầu như biến mất; thỉnh thoảng mới

thấy ánh lên trong đôi con ngươi một tia sáng nhỏ, thật thê, một ý nghĩ táo bạo: “*Tại sao không đặt một miếng lông chồn trên cổ áo?*” Sự trầm tư theo vấn đề này luôn luôn làm Akaky Akakievich ngơ ngẩn. Trong một dịp phải sao chép một tài liệu, gần như anh ta sắp phạm một lỗi nhỏ và la lớn lên: “*Wao!*” rồi tự mình làm dấu thánh giá.

Ít nhất một tháng một lần Akaky Akakievich tìm đến Petrovich để nói về cái áo mới: Vải mua ở đâu? Phải chọn màu nào? Trả bao nhiêu? Và, khi trở về, dù với một chút lo lắng, anh ta vẫn luôn hài lòng với ý nghĩ cuối cùng rồi tất cả những cái cần mua cũng sẽ mua và cái áo sẽ được khởi sự may.

Trái hẳn với dự đoán trước kia, Akaky Akakievich được ông giám đốc ban thưởng cho số tiền không phải 40 hay 50, mà là 60 rúp. Không biết đó có phải là sự gợi ý xa xôi của chính Akaky Akakievich trong việc cần một chiếc áo khoác mới, hay chỉ là điều xảy ra tình cờ may mắn? Nhưng dù thế nào thì anh ta cũng có được 20 rúp dôi ra. Công việc nhờ thế mà được đẩy nhanh hơn.

*

* *

Sau hơn hai tháng nhịn ăn nhịn mặc, Akaky Akakievich đã dành dụm được gần 80 rúp. Nhịp tim anh ta vốn rất đều, bấy giờ đập thành đập nhanh hơn.

Chẳng bao lâu, Akaky Akakievich đi với Petrovich tới tiệm vải. Họ mua loại vải tốt nhất, điều chẳng mấy ngạc nhiên kể từ khi việc này được nghĩ đến, hơn sáu tháng qua rồi, chưa kể một tháng tiêu hao cho việc Akaky Akakievich đi dò giá ở tất cả mọi cửa hàng. Petrovich tuyên bố rằng không có vải nào tốt hơn thế nữa.

Về phần lót, họ chọn vải trúc bầu; theo như lời Petrovich thì loại này còn tốt hơn cả lụa, lại cũng bền và đẹp. Họ không mua lông chồn vì quá đắt; thay vào đó, chọn lông mèo, loại tốt nhất có bày trong tiệm. –Mèo mà nhìn từ xa thì cũng gần giống như chồn.

Petrovich mất trọn hai tuần để may chiếc áo vì gã phải may chần đến hai đường chỉ. Về tiền công, gã tính 12 rúp; không thể bớt hơn bởi vì tất cả đều được may bằng tơ, lượt hai lần chỉ đẹp đẽ, sau đó gã dùng răng mà cắn từng đường may để kiểm tra lần nữa, lưu lại trên đó nhiều dấu vết đủ loại.

Như thế -thật khó mà nói một cách chính xác ngày nào (có lẽ là ngày hoan hỉ nhất trong đời Akaky Akakievich) mà Petrovich đã mang cái áo khoác đến. Nó xuất hiện vào buổi sáng, trước khi Akaky phải rời nhà đi đến sở làm, đúng vào lúc cần thiết nhất bởi vì sương mù đang bắt đầu đổ xuống càng lúc càng khốc liệt hơn.

Giống như những anh thợ may lành nghề vẫn làm, Petrovich tự mình mang áo tới cho khách. Có một vẻ gì như nghiêm trọng hiện ra trên khuôn mặt gã mà trước kia Akaky Akakievich chưa bao giờ thấy. Tuồng như gã nhận thức được rõ ràng cái cách phải diễn tả thế nào để khiến kẻ khác có thể phân biệt được giữa một anh thợ may chỉ sửa hay đặt vải lót thôi, với một tay lành nghề sáng tạo một cái áo mới.

Gã giở áo ra khỏi một cái khăn to tương (cái khăn vừa mới từ tiệm giặt mang về, được gã xếp lại đút vào túi để dùng sau này), nhìn ngắm nó với sự kiêu hãnh dữ dội. Xong, khoác một cách khéo léo lên vai Akaky Akakievich, gã kéo tà áo xuống và vuốt nhẹ phía sau lưng, rồi quần vạt áo quanh mình Akaky Akakievich, chỉ để hở phía trước ngực.

Akaky Akakievich muốn tự thử mặc nó vào người. Petrovich giúp anh ta tròng vào hai cánh tay, quả nhiên rất vừa vặn. Tóm lại, cái áo là một sự thành công mỹ mãn của Petrovich.

Petrovich không để lỡ cơ hội nói cho Akaky biết rằng sở dĩ gã tính giá rẻ cho Akaky vì gã biết anh ta đã lâu, và cũng bởi gã sống trong một con phố nhỏ, lại không trưng bảng hiệu, chứ nếu trên Đại Lộ Prospek người ta sẽ đòi 75 rúp cho chỉ mỗi tiền công thôi. Akaky Akakievich không mong bàn cãi điều này với Petrovich; ngoài ra, anh ta cũng sợ cái tổng số lớn mà Petrovich rất ưa phóng đại trong lối nói chuyện của gã.

Anh ta trả tiền cho gã, cảm ơn gã và rời khỏi nhà đi đến sở với cái áo khoác mới trên vai.

Petrovich bước theo Akaky Akakievich một quãng, ngừng lại trên đường, ngắm nhìn hồi lâu cái áo khoác từ phía sau. Xong, gã rẽ ngoặt sang một con đường tắt, quay trở lại đường chính để lại ngắm, lần này từ phía trước của nó. Còn Akaky Akakievich thì bước dọc dài trong tâm trạng vui thú. Từng mỗi giây trôi qua là từng lúc anh ta nhận biết rằng mình đang có một cái áo khoác mới trên vai; đôi lần lại nhoèn miệng cười với niềm thỏa mãn. Thật vậy, nó rất ấm và rất tốt. Anh ta không lưu tâm chút nào đến đoạn đường đã đi và bỗng dưng nhận biết rằng mình đang đứng trước cơ quan.

Trong phòng người gác cổng, Akaky Akakievich cởi cái áo khoác ra nhìn nó lần nữa, và giao cho người gác cửa đặc biệt giữ.

Tôi không thể nói sự việc xảy ra thế nào, nhưng bất thần tất cả mọi người trong sở đều hay rằng Akaky Akakievich vừa có một cái áo mới và cái “áo choàng phụ nữ” cũ không còn được sử dụng nữa. Hết viên thư ký này đến viên thư ký khác chạy ủa vào phòng người gác cửa để nhìn áo. Rồi họ chúc mừng anh ta.

Thoạt tiên, Akaky Akakievich chỉ mỉm cười; nhưng khi những lời chúc mừng trở nên quá nồng nhiệt, anh ta đâm lúng túng. Họ vây quanh Akaky Akakievich, khởi sự đòi anh ta ít nhất phải đãi họ một chén *café* tối để mừng áo mới.

Akaky Akakievich bỗng mất hồn, không biết làm sao để thoát ra ngoài tình huống ấy, lại cũng chẳng biết nói sao cho phải. Vài phút sau, mặt đỏ bừng lên, Akaky Akakievich cố gắng làm ra vẻ ngây ngô mà xác nhận với họ rằng đó chẳng phải là áo mới, không mới lắm, mà chỉ là một cái cũ thôi.

Cuối cùng, viên phụ tá kế toán trưởng, có lẽ muốn chứng tỏ rằng anh ta đã không kiêu ngạo lắm trong cách đối xử với những kẻ có địa vị thấp hơn mình, đưa ra đề nghị:

“Tôi sẽ thay Akaky Akakievich để mời tất cả các bạn cùng đến uống trà với tôi tối nay; may mắn rằng đó là ngày sinh nhật của tôi.”

Hẳn nhiên, đám thư ký quay qua chúc mừng viên kế toán trưởng nọ và chấp nhận lời mời một cách nồng nhiệt. Akaky Akakievich đưa ra lời xin lỗi phải từ chối buổi tiệc, nhưng tất cả bọn họ đều tuyên bố rằng làm thế thật không chút nào lịch sự, và anh ta hẳn phải xấu hổ theo điều ấy. Vì vậy, cuối cùng Akaky Akakievich đành phải nhận, luôn cả hài lòng, sau khi nhớ lại rằng ít nhất đó cũng là dịp hay để anh ta được đi trên phố trong chiếc áo khoác mới.

Trọn cả bữa, Akaky Akakievich mang cảm tưởng giống như một ngày hội vui. Trở về nhà trong niềm hạnh phúc cao nhất, anh ta cởi áo khoác ra, say mê ngắm nhìn lần nữa làn vải ngoài và lớp vải lót, xong đem đặt cái “áo choàng phụ nữ” toi tả bên cạnh cái mới. Chú mắt vào trên hai chiếc áo, Akaky Akakievich cả cười theo sự khác biệt quá dữ dội của chúng.

Sau đó, trong bữa ăn, nghĩ tới cái áo cũ đã lỗi thời, Akaky Akakievich lại cười; rồi tự kéo dài bữa ăn trong trạng thái vui thú cùng cực. Không có gì để sao chép, anh ta nằm trên giường nghỉ ngơi chốc lát, chờ đến khi trời tối mới nhanh chóng thay y phục, khoác lên người chiếc áo mới và đi xuống phố.

Tiếc rằng tôi không thể nói cho chính xác nơi chốn nào mà viên phụ tá kế toán trưởng, chủ nhân buổi tiệc, đang cư ngụ. Trí nhớ tôi bắt đầu kém đi và tất cả mọi chuyện tại Pétersbourg, mọi con phố, mọi căn nhà thì quá lộn xộn trong đầu đến nỗi thật khó sắp đặt chúng lại cho ngăn nắp. Nhưng dù gì cũng dễ dàng nhận biết rằng viên thư ký cư trú trong một khu lịch sự của thành phố và tất nhiên là rất xa khu nhà anh bạn Akaky Akakievich của chúng ta.

Thoạt tiên, Akaky Akakievich phải đi bộ qua những con đường vắng không đủ ánh sáng, nhưng khi đến gần địa điểm thì phố xá trở nên sống động hơn, nhiều người qua lại, đèn đuốc sáng trưng, khách bộ hành đông đúc. Đó đây, thấy có nhiều phụ nữ ăn vận đẹp đẽ; ngay cả đàn ông cũng quàng khăn viền lông hải cẩu. Các người đánh xe với những chiếc xe có tay vịn đóng đinh trên gỗ thì ít được thấy; mặt khác, những tài xế đáng hoạt bát, đầu đội mũ lưỡi trai bằng nhung màu xôi gấc với những cỗ xe bóng loáng có lót thảm da gấu, xuất hiện thường xuyên. Thêm những chiếc xe ngựa với các ghế ngồi trang hoàng đẹp đẽ lao đi trên đường phố, bánh nghiêng trên lớp tuyết.

Akaky Akakievich nhìn tất cả những điều mới lạ này trong tâm trạng hoang mang bởi vì đã từ lâu, anh ta chưa có dịp đi dạo trên đường phố vào buổi tối. Một cách tò mò, anh ta ngừng lại trước một cửa hàng nhỏ để nhìn bức tranh trình bày hình ảnh một người đàn bà đẹp trong tư thế đang cởi giầy và giơ một cái chân cân đối và rất đẹp lên; phía sau bà ta là một người đàn ông lịch sự, oai vệ với hàm râu trên và chòm râu dưới, đang đứng tựa người nơi cửa dẫn sang một phòng khác. Akaky Akakievich lắc đầu, cười mỉm, quay gót bước đi. Tại sao anh ta cười? Có phải vì đang nhìn thấy một cái gì hoàn toàn xa lạ, nhưng giống như tất cả mọi người đàn ông, anh ta vẫn chôn giấu trong tận sâu tâm hồn một cảm nghĩ thuộc loại ấy?

Hoặc giả có phải, giống như những viên thư ký khác, anh ta hẳn sẽ nói: “Ồ, những anh chàng người Pháp! Thật đúng là một lũ! Nếu họ đặt đầu trên cái gì đó, cái gì đó... tốt, cái gì thuộc loại đó, thì hẳn biết, nào, cái gì thuộc loại

đó”. Nhưng có lẽ Akaky Akakievich cũng chưa từng bao giờ nghĩ thế. Xét cho cùng, người ta không thể len lỏi vào tận sâu trong tâm hồn một con người để biết hẳn đang nghĩ gì.

Cuối cùng, Akaky Akakievich đứng trước ngôi nhà viên phụ tá kế toán trưởng, một nơi chốn lịch sự ở tầng hai, có ngọn đèn treo trên cầu thang.

Trong khi bước vào hành lang, Akaky Akakievich nhìn thấy một hàng dài những đôi giày đi tuyết. Giữa những thứ này là một ấm nước đang sôi, hơi nóng xì ra từ cái lỗ vòi. Trên tường móc đầy những áo khoác và áo choàng không tay, có vài cái với cổ bằng lông hải cẩu và ve áo bằng nhung. Từ một phía tường khác vọng ra tiếng chuyện trò; bất thân trở nên rõ ràng ồn ào hơn khi cánh cửa được mở và một người hầu đi ra với một mâm chất đầy những ly không, một cái bình và rổ bánh ngọt. Rõ ràng các viên thư ký khác hiện diện từ lâu và đã uống xong một tuần trà.

Akaky Akakievich, sau khi đã tự tay móc áo khoác ngoài lên vách, bước vào căn phòng, tức thì thấy hiện ra trước mắt ánh sáng những ngọn nến, các đồng nghiệp, các ống điếu và nhiều bàn bài bạc. Tiếng chuyện trò huyền ảo hòa lẫn tiếng kéo ghế ồn ào vang lên khắp nơi.

Anh ta đứng giữa phòng, nhìn quanh và cố gắng nghĩ xem phải làm gì. Đám thư ký nhận ra anh ta, reo lên chào đón. Lập tức, họ chạy ùa đến phòng để áo, ngắm nghía lần nữa cái áo khoác ngoài của Akaky Akakievich. Dù thoát tiên cảm nghe lúng túng, nhưng bởi là một người đơn giản, anh ta không khỏi hài lòng khi nhìn thấy đám kia tỏ ra thích thú vì cái áo của anh ta. Sau đó, dĩ nhiên họ bỏ rơi Akaky Akakievich và cái áo khoác rồi hướng sự chú ý vào những bàn đánh cờ như thường lệ.

Tất cả những điều này –tiếng động, tiếng chuyện trò, đám đông- thì rất lạ lùng nhưng thú vị với Akaky Akakievich. Anh ta chỉ đơn giản không biết phải đối xử ra sao trong tình thế đó, phải làm gì với cánh tay, cẳng chân và toàn thể thân hình mình. Cuối cùng, Akaky Akakievich ngồi xuống bên cạnh các tay chơi, nhìn những con bài, đầu tiên vào một người, sau đó là vào tất cả các khuôn mặt.

Một chập, cảm thấy chán, anh ta ngáp dài –đã quá giờ đi ngủ từ lâu. Akaky Akakievich cố tìm cách cáo từ, nhưng các vị chủ nhân không để anh ta đi.

Một giờ sau món súp được dọn lên kèm theo rau, thịt cừu nguội, bánh ngọt, bánh nướng, và rượu *champagne*. Các đồng nghiệp buộc Akaky Akakievich phải uống hai cốc để mừng cái áo khoác mới. Sau đó, Akaky Akakievich cảm nghe vui thú hơn, dù vẫn không quên rằng bây giờ đã 12 giờ đêm và lẽ ra là phải về nhà từ lâu.

Để không bị vị chủ nhân cầm giữ lại bằng lý do này nọ, Akaky Akakievich chuồn ra khỏi phòng, bước vào hành lang, và tìm thấy –với sự đau nhói trong lòng- cái áo đang nằm trên sàn nhà. Anh ta nhặt nó lên, lắc lắc, phui phui những hạt bụi nhỏ, xong mặc vào người, đi xuống cầu thang và ra đường phố.

Khi đó phố xá vẫn còn sáng ánh đèn. Vài cửa hàng nhỏ, nơi tụ họp không ngừng của giới tôi tớ và đủ loại hạng người, vẫn còn mở cửa. Các tiệm khác tuy đã đóng, nhưng từ những vệt ánh sáng dài hắt ra tại mỗi khe cửa vẫn cho thấy là còn hoạt động; có lẽ các người làm công đang kết thúc cuộc chuyện trò, giã từ vị chủ nhân và và lưu lại trong lòng vị này sự hoang mang rằng không biết họ đang đi về đâu.

Akaky Akakievich bước dọc dài trong tâm trạng vui thú mà chỉ có Trời mới biết tại sao; lại gần như chạy đuổi theo sau một người đàn bà (cũng chỉ Trời mới biết tại sao) đang lướt qua trước mặt giống như một vệt ánh sáng; từng phần thân hình bà ta chuyển động một cách rất quyến rũ. Tuy nhiên, ngay tức thì kim bước nhẹ nhàng trở lại, anh ta tự cảm thấy ngạc nhiên về sự say sưa bốc đồng vừa chụp bắt tâm tư.

Chẳng mấy chốc, những con đường -ngay cả ban ngày đã vắng, bảy giờ đêm tối lại càng thêm quanh quẽ- trải dài trước mặt. Các ngọn đèn treo thấy ít hơn, có ngọn còn bị tắt dóm. (Hiển nhiên là các giới chức thuộc hội đồng thành phố dè sẻn dầu đốt). Rồi Akaky Akakievich đi đến một quận toàn những ngôi nhà gỗ có hàng rào. Nơi đây không một bóng người; chẳng gì khác hơn là lớp tuyết rơi rải trên đường và hàng trăm túp lều tồi tàn với những cánh cửa đóng im ỉm như đang chìm trong giấc ngủ khuya.

Akaky Akakievich đến gần điểm giao lưu giữa con đường với một công trường lớn trông giống như một sa mạc đáng sợ. Từ xa, thật khó mới nhận biết được những căn nhà phía bên kia công trường. Có tia sáng phát ra từ cái cổng gác nào đó tựa như một miền cuối cùng của trái đất mà chỉ mỗi Trời mới biết là ở đâu. Niềm vui trong Akaky Akakievich bắt thân biến mất. Anh ta bước vào công trường với tâm trạng sợ hãi, cảm nhận từ trong tận các khớp xương cái gì đó khó diễn tả đang chiếm hữu con người. Quay nhìn đằng sau, rồi nhìn cả hai phía –như thể chung quanh toàn là biển, Akaky Akakievich tự nhủ: *“Không, tốt hơn đừng nhìn”*, và tiếp tục bước, mắt nhắm lại.

Khi mở mắt định hướng xem đã tới đích cùng của công trường chưa, bất ngờ Akaky Akakievich thấy có hai gã đàn ông râu ria xồm xoàm đang đứng trước mặt, gần như chính ngay sát mũi anh ta. Trong bóng tối, Akaky Akaievich chẳng thể nhận biết ngay họ là ai nên đâm ra sừng sốt, trái tim bắt đầu đập mạnh.

“Này, cái áo khoác là của tao!”, một trong hai gã vừa nói bằng giọng âm âm nạt nộ, vừa đưa tay nắm lấy cổ áo Akaky Akakievich.

Akaky Akakievich bật la to:

“Cứu tôi với!”

Gã còn lại đưa bàn tay to lớn bịt miệng Akaky Akakievich, cười gằn:

“Cho mày la đi!”

Lúc vừa kịp nhận thức rằng hai gã này đang lột chiếc áo khoác của mình thì Akaky Akaievich đã bị đá lăn kênh trong tuyết, bất tỉnh và không còn biết gì nữa.

Vài phút sau, Akaky Akakievich tỉnh dậy, cố đứng lên, nhưng không còn ai ở đó nữa. Anh ta cảm nghe rất lạnh và nhận biết rằng cái áo khoác đã không còn trên đôi vai nữa. Akaky Akaievich bật la cầu cứu, nhưng tiếng la xem chừng không vọng xa tới cuối công trường. Quá tuyệt vọng và vẫn tiếp tục la, anh ta chạy băng qua công trường, thẳng về phía đồn lính gác. Có một viên cảnh binh đang đứng tựa vào cây dùi cui và dường như tò mò nhìn xem gã quý quái nào đang từ xa, vừa la vừa chạy về hướng ông ta.

Chạy đến gần viên cảnh binh, Akaky Akaievich, bằng giọng đứt quãng, hỏi rằng ông ta đang làm nhiệm vụ mà có nhận biết sự gì đã xảy ra không, và tại sao lại có kẻ đi cướp giết của người khác? Viên cảnh binh trả lời rằng chẳng trông thấy ai ngoại trừ hai gã đàn ông chặn Akaky Akakievich ngay giữa công trường, và ngỡ rằng họ là bạn nhau. Ông khuyên Akaky Akakievich nên đến sở cảnh sát ngày hôm sau để trình bày sự việc thì hơn; ở đó, người ta sẽ có thể tìm ra xem ai là kẻ đã cướp của anh ta cái áo.

Akaky Akakievich chạy về nhà trong trạng thái kinh hoàng. Mái tóc thưa được vuốt gọn hai bên thái dương và nơi đỉnh đầu, bấy giờ đã hoàn toàn rối bời. Một bên hông, giữa ngực và trọn hai ống quần thì bầm đầy tuyết.

Khi nghe những tiếng gõ cửa dồn dập, bà chủ nhà đã nhảy vọt ra khỏi giường. Trông vội chiếc áo ngủ vào người, một tay bà mở cửa, một tay giữ chặt ngực áo. Cửa mở ra, nhìn thấy vẻ mặt kinh hoàng của Akaky Akaievich, bà bỗng bước lùi lại.

Lúc đã rõ chuyện, bà giơ hai tay lên trời, bảo Akaky Akakievich phải đi ngay đến viên Hội đồng tỉnh mà trình có sự, bởi vì viên thanh tra cảnh sát địa phương sẽ đánh lừa anh ta, hứa hẹn nhưng không giải quyết gì cả. Tốt hơn hết là nên đi thẳng tới ông Hội đồng tỉnh. Bà nói rằng có biết ông kia, bởi vì Anna, cô bếp gái người Phần Lan ngày trước của bà, bây giờ đang là vú em tại nhà ông Hội đồng tỉnh. Chính bà cũng thường thấy ông ta đi qua nhà bà và luôn cả đi nhà thờ ngày Chủ Nhật nữa. Bà cũng kể, trong khi đang đọc kinh, ông ta vẫn nhìn quanh mọi người với ánh nhìn thân thiện. Vì vậy, theo sự nhận xét của nhiều người, ông ta hẳn là kẻ tốt bụng.

Sau khi lắng nghe những lời khuyên này, Akaky Akakievich trở về phòng mình, tâm trạng ủ dột.

Làm cách nào anh ta trải qua đêm ấy là điều tôi để tùy độc giả tự đặt mình vào vị trí anh ta mà tưởng tượng ra.

Sáng sớm hôm sau, Akaky Akakievich tìm đến viên Hội đồng tỉnh nhưng được nghe nói rằng ông ta đang còn ngủ. Akaky Akakievich trở lại vào lúc mười giờ, vẫn nghe rằng ông đang ngủ. Đến vào lúc 11 giờ, biết được ông ta đã rời khỏi nhà.

Đến vào giờ ăn trưa, viên thư ký trong phòng đợi không để Akaky Akakievich vào dù với bất cứ vấn đề gì, trừ phi anh ta phải nói cho họ hay trước lý do nào cần gặp ông Hội đồng tỉnh, cái gì đã xảy ra cho anh ta. Vì vậy mà lần đầu tiên trong đời Akaky Akakievich mới cảm thấy phải buộc lòng tự xác nhận vị thế mình. Anh ta nói vòng quanh rằng cần phải gặp chính ngay ông Hội đồng tỉnh, các viên thư ký không được quyền từ chối; cũng nói rằng anh ta đến vì

một vấn đề thuộc một cơ quan chính phủ, và nếu như không được vào, anh ta sẽ báo cáo về cơ quan. Những viên thư ký không dám nói gì nữa, vào trình sự việc với viên Hội đồng tỉnh.

Viên Hội đồng tỉnh có hơi chút tò mò theo việc bị cướp cái áo khoác của Akaky Akakievich, nhưng thay vì tập trung vào chính điểm, ông ta lại đặt ra với Akaky Akakievich một lô câu hỏi không ích lợi gì cả, ví dụ, “*Tại sao anh về nhà quá trễ? Anh có dám khẳng định rằng đã không xảy ra việc gì lộn xộn trong nhà anh vào đêm trước?*”

Akaky Akakievich cảm nghe rối loạn kinh khủng và từ già ông này mà không cần biết ông ta có muốn Akaky Akakievich làm đơn có trình sự việc bị cướp cái áo khoác ngoài hay không.

Ngày hôm đó (lần thứ nhất trong đời) Akaky Akakievich không đến sở làm.

Ngày hôm sau nữa, Akaky Akakievich, với bộ mặt xanh mét, mặc vào người bộ “áo choàng phụ nữ” cũ lúc bấy giờ trông càng đáng thương hơn nữa. Cái tin mất áo khiến cho nhiều đồng nghiệp xúc động – dù cũng có kẻ không để lỡ cơ hội này mà trêu chọc anh ta. Tức thì, họ quyết định quyên tặng cho Akaky Akakievich một số tiền, nhưng chỉ là một tổng số rất nhỏ bởi vì họ đã tiêu phần lớn số lương trong sự đóng góp vào phí tổn vẽ một bức chân dung cho ông giám đốc và luôn cả việc mua mỗi người một cuốn sách ủng hộ một tác giả bạn của ông kế toán trưởng.

Có một viên thư ký động lòng trắc ẩn, đã cố khuyên Akaky Akakievich rằng đừng nên đi đến sở cảnh sát địa phương, bởi vì dù ở đó người ta có thể thành công trong việc tìm ra cái áo khoác với lý do là họ muốn lấy điểm với xếp trên thì Akaky Akakievich cũng khó thể lấy lại được cái áo, trừ phi phải trình ra những bằng chứng xác thật rằng nó thuộc về anh ta. Vì vậy tốt hơn là nên mau mau kêu gọi đến một nhân vật được gọi là Con Người Tai Mất; bởi vì Con Người Tai Mất này có thể viết thư hoặc xin gặp riêng những vị quyền hành, như thế vấn đề sẽ được thông suốt chóng vánh hơn.

Không còn cách nào khác, Akaky Akakievich bèn tìm đến gặp Con Người Tai Mất.

*

**

Thực sự, công việc hiện thời của Con Người Tai Mất này thế nào là điều không ai biết chắc được. Chỉ lưu ý rằng Con Người Tai Mất này mới gần đây trở nên một nhân vật quan trọng, và cũng chỉ mới gần đây thôi, ông ta lại là một nhân vật không quan trọng gì hết. Hơn nữa, địa vị ông ta, ngay cả đến bây giờ, vẫn không được nhận định là quan trọng nếu đem so sánh với những sự quan trọng lớn lao hơn. (Luôn luôn vẫn có những con người được cho là quan trọng đối với kẻ này thì với kẻ khác lại chẳng chút nào được nhìn là quan trọng). Sự thật thì ông ta đã cố gắng hết sức bằng nhiều cách khác nhau để làm tăng sự quan trọng cho địa vị mình, chẳng hạn như ông ta đưa ra một điều lệ rằng những thuộc hạ phải đến chào ông ta từ ngay những bậc thang mỗi khi ông ta đến cơ quan, hoặc không ai được cả gan đến văn phòng ông ta trừ phi được cho gọi; và rằng tất cả mọi thứ phải được hoàn thành theo một hệ thống dây chuyền nghiêm chỉnh:

- Viên hộ tịch giữ sổ bộ giấy tờ phải trước tiên làm báo cáo một vấn đề nào đó cho viên thư ký,
- rồi viên thư ký báo cáo cho viên cố vấn,
- cuối cùng viên cố vấn đưa trình lên ông ta.

Trong cái đất nước Nga này, thật buồn mà phải nói rằng, xem ra tất cả mọi người đều cốt làm sao bắt chước cho giống những kẻ cao hơn họ. Tôi mới nghe kể rằng có một viên cố vấn học đường vừa được cất đặt trông coi một cơ quan nhỏ bèn lập tức ngăn ra một phòng đặc biệt cho mình, gọi đó là tổng hành dinh, và cho đặt hai anh gác cửa có đeo cổ còn màu đỏ và nẹp áo màu vàng đứng ngay cửa. Hai anh này chỉ giữ nhiệm vụ mở cửa cho khách dù rằng cái “tổng hành dinh” rất nhỏ, ngay đến một cái bàn viết nếu muốn kê trong ấy cũng khó thể kiếm ra chỗ cho vừa.

Con Người Tai Mất nói trên thường có thói quen làm ra vẻ rất oai nghiêm đường bệ, nhưng một cách kín đáo thôi. Toàn thể hệ thống làm việc của ông ta được đặt trên căn bản của sự nghiêm chỉnh. “*Nghiêm chỉnh, nghiêm chỉnh và nghiêm chỉnh*”, như ông ta thường tuyên bố. Ở mỗi chữ “*nghiêm chỉnh*” sau cùng, ông ta nhìn chăm chăm vào kẻ đang đứng trước mặt, dù rằng ông ta chẳng có lý do gì để làm thế, bởi vì hàng tá thư ký cấu thành toàn thể bộ máy hành chính trong cơ quan ông ta luôn giữ trong lòng trạng thái sợ hãi run rẩy mỗi lần đối diện ông ta. Nhìn thấy ông ta từ xa, tất cả bọn họ đều tức thì ngưng ngang công việc và đứng nghiêm cho đến khi ông ta đã rời khỏi nơi đó. Lối chuyện trò của ông ta đối với thuộc hạ thường được đánh dấu bằng sự nghiêm khắc và hầu hết tóm gọn trong ba câu nói: “*Sao anh dám to gan thế? Anh có biết đang nói chuyện với ai đây không? Anh có hiểu tôi là ai không?*”

Dù vậy, với các đồng nghiệp, ông lại là người có tâm địa tốt, đặc biệt vui vẻ và hoàn toàn sốt sắng, dẫu rằng trong đầu luôn mang ý nghĩ muốn tiến thân cao hơn địa vị hiện tại. Có điều lạ là khi đã đạt được điều mình muốn, ông ta lại đâm lúng túng, bối rối, và không biết phải xử thế ra sao. Nếu đang hiện diện với những kẻ ngang hàng mình thì ông ta hoàn toàn là một người rất đàng hoàng, lịch sự; hơn nữa, thông minh. Nhưng hễ bất cứ lúc nào hiện hữu chung trong một đám có những người địa vị thấp hơn, ông ta lập tức biến hình: “*Chỉ ngồi lặng yên trông vẻ rất hạ cố, khiêm nhượng; điều này kéo dài càng lâu thì ông ta càng nghe thú vị*”. Thịnh thoảng nếu trong mắt ông ta ánh lên tia thèm muốn tham dự vào các cuộc chuyện trò vui vẻ của họ thì vẫn cố kềm lại bởi nỗi nghi ngờ rằng không biết có đã đi quá xa với sự hạ cố của mình không, hay là, không biết có phạm lỗi lầm trong sự thân mật với những kẻ có địa vị thấp hơn kia không. Trong những phản ứng tâm lý loại này, ông ta thường giữ nguyên dạng một con người trầm lặng, thịnh thoảng mới mở miệng nói ra vài lời nhát gừng. Cũng vì lẽ đó mà ông ta bị tiếng là một kẻ đáng chán kinh khủng.

Đó là Con Người Tai Mất mà anh bạn Akaky Akakievich của chúng ta đang muốn kêu nài tới. Không may, Akaky Akakievich lại trình diện ngay cái lúc rất ư là không thích hợp, nhưng không thể làm khác được, dù đó cũng là điều rất may mắn cho Con Người Tai Mất nọ.

Vào lúc Akaky Akakievich tìm đến thì Con Người Tai Mất đang bận chuyện trò một cách rất vui thú về thời niên thiếu cũ với một người bạn không gặp trong nhiều năm. Một viên thư ký vào báo có một người tên gọi Basmachkin xin được gặp ông ta. Ông ta hỏi cộc lốc:

“Đó là loại người nào?”

“Một công chức nhà nước”, viên thư ký trả lời

“À, anh ta có thể đợi. Lúc này tôi không rảnh”, Con Người Tai Mất nói.

Ở đây, phải trình bày một cách thẳng thắn rằng Con Người Tai Mất này vừa thốt ra một điều láo khoét. Ông ta không bận chút nào cả. Ông ta và người bạn đã trò chuyện một lúc lâu rồi và cuộc chuyện trò đã bắt đầu có dấu hiệu chấm dứt khi họ ngồi im trong một lúc, chỉ đưa tay vỗ vào đùi nhau và nói: *“À, ra thế Ivan Abramovich!”* hoặc là: *“Vâng, đúng vậy, Stepan Varlamovich!”*.

Nhưng, sở dĩ Con Người Tai Mất vẫn ra lệnh đợi là ý muốn chứng tỏ cho người bạn cũ - kẻ đã từ bỏ công việc từ vài năm trước và lúc bấy giờ đang sống tại một ngôi nhà riêng ở đồng quê- thấy rằng viên công chức kia phải đợi ông ta thật lâu. Cuối cùng, sau khi không còn gì để nói, họ hút một điếu xì gà, ngã người trong chiếc ghế bành rất êm có lưng dựa. Chợt Con Người Tai Mất nhớ lại và nói với viên thư ký:

“Ồ, có một gã công chức đang chờ tôi ngoài đó phải không? Bảo anh ta có thể vào.”

Khi nhìn thấy cái vẻ hiền lành của Akaky Akakievich trong bộ đồng phục tồi tàn, Con Người Tai Mất hỏi ngay *“Anh muốn gì?”* bằng một giọng cộc lốc và cứng nhắc, điều mà suốt trong một tuần lễ trước khi nhận chức vụ giám đốc hiện thời, ông ta từng đứng trước tấm gương tập nói một mình như thế.

Akaky Akakievich, trong lòng vốn đã sợ hãi, bấy giờ càng thêm rối loạn run rẩy. Anh ta cố gắng mở miệng giải thích bằng tất cả sức lực, với những chữ *“nào”* và *“ông biết đó”* thường xuyên hơn. Anh ta kể rằng đã bị hai gã đàn ông cướp đi cái áo khoác mới rất đẹp một cách tàn nhẫn, và rằng bây giờ đến để cầu xin Con Người Tai Mất ký cho một chữ vào lá đơn để anh ta có thể lấy đó về trình cho sở cảnh sát địa phương, hoặc một ai đó, xin họ tìm cho anh ta cái áo.

Do bởi vài lý do nào không rõ, Con Người Tai Mất nhận định vấn đề đang diễn biến thì rất thân thuộc với ông ta. Ông ta hỏi bất thần:

“Rồi sao nữa, thưa ông? Ông có biết thủ tục là gì không? Ông tìm đến tôi để làm gì? Ông có biết sự việc phải theo hệ thống tuần tự ra sao không? Đầu tiên phải làm đơn gửi đến tay người thư ký trưởng, rồi lá đơn phải chuyển

đến tay người chánh văn phòng, từ đó nó mới được đến tay viên bí thư cơ quan, cuối cùng người này sẽ mang đến cho tôi...”

“*Nhưng, thưa ngài*”, Akaky Akakievich nói, cổ gom góp can đảm rơi rớt và ngay lúc đó cảm tưởng rằng toàn thân đang toát mồ hôi hột, “*tôi mạo muội, thưa ngài, ngài biết không, đến làm phiền ngài bởi vì người thư ký... ơ, người thư ký... là những kẻ ngài không thể trông cậy vào...*”

“*Cái gì? Cái gì? Cái gì?*” Con Người Tai Mất hỏi, “*Tại sao ông dám cả gan nói thế, thưa ông? Ở đâu mà ông nhặt ra tư tưởng kỳ khôi đó? Cái ý nghĩa kháng cự nào đang trải rộng trong đám người tuổi trẻ để chống lại các vị lãnh đạo của họ vậy?*”

Con Người Tai Mất hiển nhiên không nhận ra rằng Akaky Akakievich đã ngoài năm mươi, và vì thế, nếu anh ta có được gọi là một người trẻ tuổi thì chỉ có thể được so sánh với một người ở lớp bảy mươi thôi.

“*Tôi hỏi ông, ông có biết điều đó không?*”

Ngay điểm này, ông ta giậm chân và rít cao cái giọng đầy quyền uy đến nỗi không chỉ mỗi Akaky Akakievich là người duy nhất đâm ra rùng rờ sợ hãi.

Akaky Akakievich gằn như sắp ngất xỉu, toàn thân run rẩy, lão đảo đến muốn ngã ra trên sàn nhà nếu không được đỡ kịp bởi người gác cửa.

Con Người Tai Mất vui mừng về cái hiệu quả đã vượt trội điều mong ước của ông ta. Tuyệt đối hoan hỉ vì lời nói của mình có thể làm mất hồn kẻ khác, ông ta đưa mắt liếc nhanh về phía người bạn cũ để xem thế nào và hài lòng thấy người này dường như cũng đang trong trạng thái sợ hãi thật sự.

Akaky Akakievich không thể nhớ được đã bằng cách nào đi xuống cầu thang, cách nào bước ra đường phố. Anh ta chẳng thể nhớ gì cả, cũng không còn nghe cảm giác gì nữa trên hai cánh tay hoặc hai cẳng chân. Trong đời, anh ta chưa từng bao giờ bị vị giám đốc của cơ quan mình hoặc bất cứ cơ quan nào khiển trách một cách quá nghiêm khắc như thế.

Akaky Akakievich bước đi trong cơn bão tuyết đang tới tấp trút xuống trên thành phố, miệng há hốc. Gió từ khắp mọi phía trong Pétersbourg như cùng đổ dồn cả về phía anh ta. Chẳng mấy chốc, cổ họng Akaky Akakievich trở nên nóng hừng hực và khi về đến nhà, anh ta không thể thốt ra lời nào, đi ngay vào giường, ngực đau rát và mặt phồng sưng. Đó là hiệu quả dữ dội của sự quở trách mà một viên công chức thỉnh thoảng vẫn phải gặp!

Ngày hôm sau, Akaky Akakievich bị sốt nặng. Nhờ vào sự giúp đỡ đại lượng của khí hậu Pétersbourg mà cơn bệnh của Akaky Akakievich tiến triển rất nhanh, hơn cả dự tưởng.

Một bác sĩ được mời đến. Sau khi bắt mạch, ông ta bảo quanh co rằng bệnh trạng sẽ được khá hơn chỉ nội trong một ngày rưỡi nữa thôi, nhưng không thể làm gì khác hơn ngoài việc cho Akaky Akakievich một món thuốc đắp. Sở dĩ thế là vì ông ta không muốn rời người bệnh mà không lưu lại chút thuốc men gì. Quay sang bà chủ nhà trọ, bác sĩ nói:

“Không cần để mắt thì giờ, bà hãy nên đặt mua một cỗ quan tài bằng gỗ thông cho anh ta ngay lập tức bởi vì tôi nghĩ rằng một cỗ quan tài bằng gỗ sồi sẽ quá đắt với anh ta.”

Dù Akaky Akakievich có nghe những lời kinh khủng này không, và nếu có nghe, chẳng biết tâm lòng anh ta có tan nát mà tiếc nuối cuộc sống đáng thương của mình chẳng thì không ai có thể biết được bởi vì anh ta bắt đầu mê sảng trong cơn sốt cao độ từ khi ấy. Các ảo tưởng từ cái này sang cái khác không ngừng ám ảnh anh ta. Anh ta gọi tên Petrovich và đặt gã may cái áo khoác có viền những đường bầy đặc biệt để gài bọn cướp, những kẻ mà Akaky Akakievich tin rằng lúc nào cũng nằm sẵn dưới gầm giường. Từng lúc anh ta kêu gào bà chủ nhà đuổi bọn cướp ra khỏi nơi đó. Cũng có lúc, Akaky Akakievich xin bà lôi một tên trộm từ dưới chân của mình ra; lần khác, liên tục hỏi rằng tại sao cái “áo choàng phụ nữ” lại được treo trước mặt khi anh ta đã có một cái áo khoác mới rồi; xong, tưởng mình đang đứng trước mặt Con Người Tai Mất để nghe lời quở mắng, Akaky Akakievich đã trả lời: *“Xin lỗi ngài”*.

Dần dần, Akaky Akakievich trở nên vật vờ, miệng thốt ra những lời quái dị đến nỗi bà chủ nhà phải đưa tay làm dấu thánh giá. Quả tình, bà chưa từng nghe anh ta nói như thế trước kia. Đặc biệt hơn là sau những lời kinh khủng, luôn luôn anh ta có thêm vào hai chữ *“Thưa ngài”*. Mãi sau, lối nói của anh ta trở nên lộn xộn, tối tăm vô nghĩa, ngoại trừ một điều rằng tất cả những lời nói và ý tưởng không mạch lạc của anh ta đều chỉ xoay quanh chiếc áo khoác.

Cuối cùng, hồn lìa khỏi xác anh chàng Akaky Akakievich đáng thương kia.

Chẳng ai màng niệm phong căn phòng, bởi vì, thứ nhất, Akaky Akakievich chẳng có người kế tục, thứ hai, vật dụng lưu lại chẳng đáng giá gì: *“một bó lông ngỗng, một thếp giấy trắng, ba đôi vớ dài, hai ba cái nút rơi ra từ chiếc quần nào đó và cái áo choàng phụ nữ”* mà độc giả đã quen thuộc. Ai là người nhận lãnh những thứ này thì chỉ có Trời mới biết, ngay cả tôi, người đang kể chuyện, cũng phải thú nhận rằng không đủ hứng thú để tìm hiểu điều đó.

Akaky Akakievich được đem chôn; và thành phố Pétersbourg vẫn tiếp tục cuộc sống không có Akaky Akakievich, như thể anh ta chưa từng bao giờ hiện diện ở đây vậy. Một con người vừa biến mất, kẻ chẳng được ai ngó ngang, cũng không thân thiết với ai, chẳng được ai ưa thích và cũng chưa từng có gì đáng được lôi cuốn, ngay cả với các sinh viên trong ngành Tự nhiên học, những người không bỏ sót lấy một cơ hội để cắm cây kim trên một con ruồi nào đó mà thử nghiệm dưới làn kính lúp. Một con người mang cái vẻ hiền lành kiên nhẫn trước những lời giễu cợt của các đồng nghiệp trong sở làm và là người phải bị uống tử bởi một lý do không có gì đặc biệt.

Đó cũng là người trước cái lúc cuối cùng của cuộc đời đã có được một thoáng thăm viếng bởi một người khách huy hoàng -biểu tượng qua cái áo khoác-, kẻ trong một lúc ngắn đã mang vào trong cuộc sống tăm tối nghèo khổ của

anh ta một chút ánh sáng mặt trời. (Sau cùng, đó cũng chính là người đã giáng xuống trên những kẻ khác, luôn cả những kẻ quyền hành trong cuộc đời này, một tai họa kinh khủng!)

Vài ngày, sau khi Akaky Akakievich đã chết, một người đưa tin tìm tới nhà anh ta với cái lệnh truyền rằng anh ta phải đến cơ quan ngay lập tức để gặp ông giám đốc. Người này trở về trình rằng Akaky Akakievich không thể đến. Khi được hỏi tại sao thì người này chỉ trả lời:

“Anh ta không thể đến vì anh ta đã chết, thưa ông giám đốc.”

Nhờ thế mà tin chết của Akaky Akakievich mới được truyền ra trong cả cơ quan.

Và ngay ngày hôm sau, nơi chỗ ngồi của Akaky Akakievich thấy xuất hiện một viên thư ký mới, dáng rất cao và chữ viết thay vì thẳng hàng như Akaky Akakievich thì lại chỉ ngả nghiêng uốn éo.

*

* *

Không ai có thể nhìn thấy trước được cái kết thúc của câu chuyện về Akaky Akakievich và nội chỉ vài ngày sau khi chết, cái tên anh ta được nói đến nhiều trong khắp thành phố như thể rằng đó là một nỗi đên bù cho sự bị lãng quên trong cuộc sinh thời của anh ta. Do đó mà câu chuyện nhỏ của chúng ta cũng bất ngờ có được một kết thúc kỳ diệu.

Những tin đồn đột nhiên lan rộng chung quanh Pétersbourg. Người ta kể rằng trong vùng phụ cận của Cầu Sông Kalinkin và vượt xa khỏi đó một chút, hễ cứ đêm đến là lại có một xác chết bắt đầu xuất hiện trong hình dáng một công chức để lột các áo khoác ngoài ra khỏi vai khách bộ hành, bất chấp đó là hạng người nào, chức vụ ra sao, hoặc chiếc áo khoác thuộc loại xấu hay đẹp, cổ viền bằng lông mèo hay lông hải ly, lông chồn, lông cáo hoặc lông gấu. Tóm lại, các cái áo khoác được làm bằng đủ loại da thú mà con người có thể chấp nhận để che thân cho ấm.

Một viên thư ký văn phòng từng nhìn thấy tận mắt con ma và lập tức nhận ra là Akaky Akakievich; điều ấy làm anh ta sợ đến nỗi bỏ chạy nhanh bằng hết sức của đôi cẳng mình, do đó không thể nhìn rõ mà chỉ thấy con ma ấy đang giơ ngón tay kinh khủng chỉ trở vào anh ta từ đằng xa.

Từ mọi khu vực, tiếng phàn nàn không ngớt vang lên, không chỉ là từ các nhân viên xoàng mà còn các vị công chức cao cấp nữa. Tất cả đều bảo rằng lưng và vai của họ bất thần đâm ra rất lạnh, như thể đang bị tước mất cái áo choàng trên người vậy.

Lệnh truyền ban ra cho cảnh binh để bắt cái xác nọ bằng mọi giá, không kể sống hay chết và phải phạt hẳn thật nghiêm khắc, như một sự răn dạy kẻ khác.

Quả nhiên, họ gần như thành công trong việc ấy.

Một viên cảnh binh khi đứng gác trên Ngõ Kiryushkin đã nắm được ngay tại chỗ cổ con ma khi con ma này đang đưa tay kéo cái áo khoác ngoài của một chàng nhạc sĩ đã về chiều, người chơi sáo trong thời còn trẻ. Chụp được cổ con ma này, viên cảnh binh la lên, gọi hai đồng nghiệp khác tới giúp sức. Ông ta bảo hai người nọ nắm lấy con ma

trong khi ông ta cúi xuống ổng giày, lôi ra thật nhanh một cái hộp thuốc lá đưa lên cái mũi đang tê cóng, điều đã từng xảy ra sáu lần trong đời ông ta. Chất thuốc bột quá mạnh đến khiến ngay cả con ma cũng không thể chịu nổi. Thật khó khăn, viên cảnh binh mới kịp đặt ngón tay bịt cánh mũi bên phải và kéo vài hơi thuốc bên cánh mũi trái. Tức thì con ma hắt hơi mạnh ngay trước mắt ba người cảnh binh và hoàn toàn biến mất. Cả ba đưa tay dụi mắt và chẳng dám tin là vừa bắt được con ma.

Từ đó trở đi, những viên cảnh binh đâm ra kinh hoàng đến nỗi ngay với cả người sống, họ cũng sợ, không dám chụp bắt mà chỉ la lên từ xa:

“*É anh kia! Đi đi!*”.

Con ma công chức bắt đầu xuất hiện luôn cả phía bên kia cầu Kalinkin Bridge để làm kinh hãi những kẻ nhát gan.

Tuy nhiên, chúng ta đã quên khuấy Con Người Tai Mất, kẻ mà trong thực tế phải nói là nguyên nhân chính cho sự kết thúc lạ kỳ của câu chuyện hoàn toàn có thật này.

Để bắt đầu, tôi có bổn phận phải nói cho công bằng rằng nhân vật quan trọng này cảm thấy có cái gì giống như một sự cắn rứt lương tâm sau khi Akaky Akakievich đã rời khỏi văn phòng ông ta.

Sự thương cảm là một thứ không hề được chấp nhận với Con Người Tai Mất; bởi vì trái tim ông ta dễ dàng mở ra cho nhiều loại thôi thúc tốt lành, trong khi chức vụ lại ngăn cản ông ta không được phơi bày cá chất thật. Chẳng mấy chốc, người bạn cũ cũng từ già, Con Người Tai Mất bắt đầu nghĩ tới anh chàng Akaky Akakievich đáng thương kia.

Kể từ đó, gần như mỗi ngày ông ta đều bị ám ảnh bởi hình dáng hiền lành của viên công chức nghèo khổ, kẻ đã không thể chịu đựng nổi sự xỉ vả của ông ta. Ý nghĩ về viên công chức làm bận trí đến nỗi tuần lễ kế tiếp, Con Người Tai Mất bất thần cho lính hầu đi tìm Akaky Akakievich để xem có thể giúp được gì cho anh ta không. Rồi khi hay rằng Akaky Akakievich vừa chết bất ngờ trong cơn sốt cao độ, ông ta đâm xúc động dữ dội, lương tâm ray rức suốt ngày.

Mong ước được xao lãng chút ít và quên đi cái tin khó chịu kia, ông ta quyết định trải qua buổi tối tại nhà vài người bạn, những kẻ đáng trọng, đặc biệt là hầu hết bọn họ đều có cùng địa vị ngang nhau, cho nên ông ta có thể hoàn toàn thoải mái. Ý nghĩ này khiến Con Người Tai Mất vô cùng hoan hỉ.

Ông ta ra đi, lịch sự và nhã nhặn; tóm lại, trải qua một buổi tối rất dễ chịu. Trong buổi ăn, ông ta uống vài cốc *champagne* –điều mà ai cũng biết thường làm cho con người quên đi mọi ý nghĩ u ám. Và rượu *champagne* cũng khiến ông ta đâm ra muốn làm một cái gì đặc biệt; vì vậy chưa vội về nhà ngay, ông ta nảy ra ý định đến thăm một bà bạn gốc Đức rất thân, tên Karolina Ivanovna.

Có điều cần phải lưu ý rằng Con Người Tai Mất này không còn trẻ trung nữa. Trong gia đình, ông ta là một người chồng hoàn hảo, một người cha đáng kính. Ông ta có hai con trai, một người đang làm việc tại một cơ quan chính phủ, thêm một cô con gái xinh đẹp mười sáu tuổi với cái mũi nhỏ nhỏ cong cong, mỗi buổi sáng vẫn tìm đến hôn tay

ông ta và nói “*Bonjour, Papa*”. Vợ ông ta vẫn còn trẻ đẹp, thường đưa tay cho chồng hôn, rồi lật bàn tay chồng mà hôn trả lại.

Nhưng đầu hoàn toàn thỏa mãn với một cuộc sống gia đình hạnh phúc chẳng nữa, Con Người Tai Mất này vẫn mang ý nghĩ muốn có một phụ nữ để kết bạn riêng tại một khu vực nào khác trong thành phố. Người phụ nữ này không trẻ và cũng không đẹp bằng vợ ông ta, nhưng đó chỉ là cuộc sống và không phải việc để chúng ta mô xẻ ở đây.

Vì thế mà Con Người Tai Mất đi xuống cầu thang, leo lên chiếc xe ngựa của mình và bảo người đánh xe:

“Đi đến nhà Karolina Ivanovna”.

Quấn mình một cách rất đường bệ trong chiếc áo choàng ấm, ông ta thả hồn trong một cảm giác sung sướng trọn vẹn, tưởng như không có gì hơn thế, nghĩa là, loại cảm giác mà khi người ta không có gì bận tâm trong trí thì những ý tưởng thú vị cứ tới tấp hiện ra, chẳng phải mất công tìm tòi gì cả.

Rất hài lòng, ông ta nhớ lại những phút giây thoải mái vừa mới trải qua buổi tối, nhớ lại mọi câu nói vang lên giữa những tiếng cười dòn của đám bạn hữu. Bây giờ, ông ta lập lại nho nhỏ với mình nhiều câu mà lúc mới thoát nghe, ông ta đã cho là rất thú vị. Và vì thế mà trên chiếc xe ngựa, ông ta cứ tự khúc khích cười thầm. Thỉnh thoảng ông ta cũng bị quấy rầy bởi từng cơn gió thổi mạnh một cách rất khó hiểu, chỉ có Trời mới biết tại sao và từ đâu mà chúng thổi tới. Thêm những hạt tuyết mỏng trút xuống dữ dội làm rát mặt ông ta, lật tung cổ áo khoác như một cánh buồm; hoặc bất thần có một nắm tuyết hắt vào đầu ông ta bằng một sức mạnh siêu nhiên, khiến ông ta cứ phải loay hoay mà phủi rũ.

Bỗng dưng, Con Người Tai Mất cảm thấy như có ai đang ghì rất chắc gáy áo ông ta. Quay lại, ông ta thấy một người dáng thấp bé trong bộ đồng phục toi tả, và kinh hoàng nhận ra đó là anh chàng Akaky Akakievich. Khuôn mặt người công chức trắng bệch như tuyết, trông y hệt một xác chết. Sự kinh hoàng của Con Người Tai Mất trở thành cao độ khi nhìn thấy từ cái miệng méo mó kia phát thẳng vào mặt ông ta một luồng khí lạnh huyết mệ, rồi thì thào những lời ghê gớm: *“À, té ra cuối cùng ông cũng phải đến! Rốt cuộc tôi cũng... cũng... nắm được cổ áo ông. Chính cái áo khoác của ông mới là điều tôi muốn. Ông đã từ chối giúp tôi, lại còn hành hạ tôi nữa! Vì vậy, bây giờ ông phải đưa áo cho tôi!”*

Con Người Tai Mất đáng thương gần như chết sững. Bình thường, trước mặt đám thuộc hạ, ông ta rất mạnh mẽ cương quyết -giống như những người có bộ dáng can đảm. Bất cứ ai nhìn thấy ông ta trong hoàn cảnh ấy cũng đều sẽ nói: *“Thật là một kẻ đáng nể!”* Nhưng trong tình huống này, một nỗi sợ không tên tràn ngập châu thân ông ta tưởng đến như có thể ngất đi.

Ông ta cởi áo khoác khỏi vai, ném mạnh ra xa và hét to với người đánh xe: *“Về nhà nhanh lên!”*

Người đánh xe, nghe cái giọng thất thường chỉ xảy ra trong những lúc ông chủ đang mắng nhiếc ai, bèn rụt cổ lại đề phòng trường hợp khẩn cấp, vung roi đánh cho con ngựa phóng đi, nhanh như một mũi tên bắn.

Chừng khoảng hơn sáu phút sau đó, Con Người Tai Mất đã ngồi ngay giữa phòng khách nhà riêng. Tái nhợt, mắt hờn và mắt cả áo khoác, ông ta, thay vì đến thăm Karolina Ivanovna, lại về nhà ngay, kéo lê thân mình vào phòng riêng, trải qua một đêm sợ hãi khủng khiếp. Do đó, sáng hôm sau, trong buổi điếm tâm, khi con gái ông ta nói: “*Hôm nay trông papa bơ phờ quá, papa ạ*”, thì papa cô ta vẫn im như thóc.

Con Người Tai Mất cũng không tỏ bày với bất cứ ai lời nào về những gì đã xảy. Cái biến cố ấy ghi đậm trong lòng đến nỗi ông ta không còn thường xuyên nói với đám thuộc hạ: “*Rõ to gan thật! Anh có biết tôi là ai không?*” như dạo trước nữa. (Những lời ấy chỉ được dùng lại sau khi ông ta đã hay ra tất cả ngọn ngành.)

Điều đáng lưu ý nhất chính là từ khi đó trở đi, con ma công chức không còn thấy xuất hiện. Hiển nhiên là cái áo khoác của Con Người Tai Mất đã làm hài lòng nó. Và cũng không ai còn nghe nữa chuyện các khách bộ hành bị lột áo khoác khỏi vai. Dù vậy, nhiều người hiếu động và yếu bóng vía cứ bị rối loạn nên tin rằng con ma vẫn còn lẩn quất trong một phần đất xa xa nào của thành phố. Chẳng hạn, có chuyện kể rằng một viên cảnh binh ở quận Kolomna nhìn thấy tận mắt con ma xuất hiện từ đằng sau một ngôi nhà; nhưng bởi tính khí nhát gan mà ông không dám chặn nó lại, chỉ âm thầm bước theo trong bóng tối, cho đến khi con ma nhìn quanh, ngừng lại và cất tiếng hỏi: “*Ông muốn gì?*” đồng thời giơ lên quả đấm không lồ đến chưa từng thấy nơi những người sống.

Viên cảnh binh đáp: “*Không, không gì cả.*” rồi quay lưng đi ngay.

Con ma này được nhận định là *cao lớn và có bộ râu xồm xoàm*, thẳng bước về phía cầu sông Obukhov, xong biến mất vào bóng tối.

Trần Thị Bông Giáy
(Hoàn tất bản chuyển ngữ tại San Jose,
Sep 11/2001, thứ Ba.
Ngày, hai chiếc phản lực cơ bỏ nhào xuống
World Trade Center, làm sập tòa nhà đôi
cao 110 tầng ở New York, chết gần 7,000 người).

[]